



BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 28.04.2023

PHẦN I

- 1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC**
- 2. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN**

PHẦN II

- 1. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- 2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022**
- 3. KẾ HOẠCH NĂM 2023**

PHỤ LỤC

- 1. BÁO CÁO KIỂM TOÁN NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2022**
- 2. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**



TÂM ĐỨC, niềm hy vọng mới của những người mắc bệnh tim

Phần I
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC



CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Viện Tim thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu hoạt động từ 01.01.1992 đã nhanh chóng là niềm hy vọng sống của biết bao người mắc bệnh tim cần mổ để được sống, cần điều trị nội khoa hiệu quả để sớm hồi phục. Vào cuối năm 1999, Viện Tim đã mổ mỗi năm hàng ngàn trường hợp, tỷ lệ thành công là 97,6% đã có nhiều ngàn người bệnh tim được cứu sống nhưng cũng đã có hơn 5.000 người bệnh tim cần mổ còn phải đợi chờ. Làm sao để nhanh chóng cứu người đã không ngừng thúc Viện Tim chuyển giao kỹ thuật cho các Bệnh viện bạn cùng chia sẻ gánh nặng với Viện Tim, cùng mổ tim để kịp cứu người.

Vào năm 2000, được sự khuyến khích của các vị Lãnh đạo thành phố, Sở Y tế và Bộ Y tế mong muốn Viện Tim hỗ trợ đào tạo, xây dựng thêm một Bệnh viện chuyên khoa tim hiện đại, cùng quy mô như Viện Tim để nâng công suất mổ cả nước lên gấp 3 lần công suất của Viện Tim. Từ mục đích cao đẹp đó và trên cơ sở chính sách xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực Giáo dục, Y tế, Văn hóa Thể thao ban hành trong Nghị định số 73/1999/NĐCP ngày 19/8/1999 của Chính phủ, Bệnh viện Tim Tâm Đức đã được hình thành.

Ngày 27/10/2000 UBND thành phố Hồ Chí Minh qua công văn số 1641-VP-VX chỉ đạo Sở Y tế xem xét tạo điều kiện thành lập một Bệnh viện Tim tư nhân; Ngày 3/11/2000 Sở Y tế thành phố đã có ý kiến chỉ đạo Viện Tim hỗ trợ về đào tạo nhân lực, chuyển giao kỹ thuật cho Bệnh viện Tim tư theo công văn số 1641-VP-VX của UBNDTP; Ngày 17/5/2002 Đại hội cổ đông sáng lập Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức gồm 8 thành viên với sự giúp đỡ của các Cố vấn: TS. BS. Nguyễn Ngọc Chiêu, PGS. TS. BS. Phạm Nguyễn Vinh, BS. Phan Kim Phương và được sự ủng hộ nhiệt tình của GS. VS. Dương Quang Trung, GS. Alain Carpentier là những vị sáng lập nên Viện Tim, đã đặt những nền móng đầu tiên cho sự phát triển của Tâm Đức.

Ngày 16/07/2002 Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001109 cho



Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức. Năm 2004 Bệnh viện Tim Tâm Đức thuộc Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức được khởi công xây dựng trên diện tích 10.000m² tại số 04 Nguyễn Lương Bằng, P.Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích sử dụng 17.984 m², quy mô 180 giường, có đầy đủ các khoa:

- Khoa Khám điều trị ngoại trú có khả năng khám và điều trị mỗi ngày từ 300 đến 400 người bệnh về tim mạch; về chuyên Khoa Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt, Sản Phụ khoa có liên quan vấn đề tim mạch, về cận lâm sàng và xét nghiệm.

- Khoa Phẫu thuật tim và mạch máu có 72 giường điều trị và 2 phòng mổ hiện đại có khả năng mổ 4-6 ca /ngày , 1.000 đến 1.200 ca/năm với các bệnh lý Tim bẩm sinh, bệnh van tim, bệnh động mạch vành và các bệnh tim và mạch máu khác.

- Khoa Hồi sức ngoại tim mạch có 15 giường Hồi sức sau mổ tim có khả năng điều trị hiệu quả những trường hợp hậu phẫu nặng, cho những bệnh nhi rất nhỏ tuổi cũng như những bệnh nhân rất nhiều tuổi.

- Khoa Hồi sức cấp cứu nội tim mạch có 18 giường, điều trị cấp cứu và hồi sức tích cực các bệnh lý tim mạch.

- Khối Nội tim mạch có 80 giường được tổ chức thành 3 Khoa NTM 1,2,3, điều trị nội các bệnh lý tim mạch cũng như những bệnh lý khác có liên quan đến tim mạch, có Phòng thăm dò chức năng tim mạch (Siêu âm Tim, ECG gắng sức), Phòng thăm dò loạn nhịp, khảo sát điện sinh lý tim để chẩn đoán cắt đốt hoặc cấy đặt các thiết bị điều trị rối loạn nhịp tim và Khoa thông tim can thiệp có khả năng thông tim can thiệp 5-6 trường hợp mỗi ngày, điều trị bệnh lý mạch vành, bệnh lý mạch máu khác, bệnh lý tim bẩm sinh và siêu âm trong lòng mạch (IVUS).

Bệnh viện Tim Tâm Đức tổ chức đơn vị Tiếp tân chuyên nghiệp, hướng dẫn chu đáo cho người đến khám bệnh, có nhà hàng phục vụ ăn uống và giải khát lịch sự, là nơi cung cấp thức ăn cho bệnh nhân điều trị nội trú cũng như thân nhân người bệnh với nguồn thực phẩm đảm bảo chất lượng, là nơi có thể tổ chức hội nghị khoảng 300 người. Đặc biệt Bệnh viện Tim Tâm Đức có bãi đáp trực thăng dành cho trường hợp cấp cứu khẩn cấp trong tương lai khi điều kiện cho phép.

Sau 18 tháng xây dựng và hơn 2 năm đào tạo đội ngũ chuyên khoa nội, ngoại khoa cho hơn 100 bác sĩ và y tá, Bệnh viện Tim Tâm Đức đã chính thức khánh thành vào ngày 08/03/2006 và đã nhanh chóng trở thành niềm hy vọng mới của những người mắc bệnh tim cần mổ để được sống, cần thông tim can thiệp kịp thời, điều trị loạn nhịp tiên tiến hoặc điều trị nội khoa hiệu quả.





CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

- Tên giao dịch : **TAM DUC CARDIOLOGY HOSPITAL JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **TAM DUC CO.**
- Địa chỉ : Số 04 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tel: (028) 54110025 Fax: (028) 54110029
- Website: www.tamduchearthospital.com.vn
- Mã số doanh nghiệp: 0302668322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 16/7/2002; đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 25/06/2015.
- Vốn điều lệ: 155.520.000.000 đồng (*một trăm năm mươi lăm tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng chẵn*).
- Người đại diện theo pháp luật của công ty :
TS.BS. NGUYỄN NGỌC CHIẾU Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức là công ty đại chúng theo công văn số 08/UBCK-QLPH ngày 17/01/2008 của UBCK Nhà nước.
- Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức chính thức đăng ký giao dịch trên sàn Upcom qua quyết định số 65/QĐ-SGDHN do Tổng giám đốc SGDCK Hà nội cấp ngày 23/01/2017. Ngày giao dịch đầu tiên là 06.02.2017. Giá tham chiếu là 36.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu: 15.552.000 cổ phiếu
- Mệnh giá của cổ phiếu: 10.000đ/cổ phiếu

II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

1. PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN:

Từ 08/3/2006 đến 31/12/2022, sau 17 năm hoạt động Bệnh viện Tim Tâm Đức đã khám điều trị ngoại trú cho 1.232.655 người bệnh; điều trị nội trú 76.826 người bệnh trong đó gần 60% từ các tỉnh miền Bắc, miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long. Đã mổ 11.083 trường hợp tim bẩm sinh, bệnh van tim và bệnh mạch vành; đã thông tim can thiệp cho 21.252 trường hợp; đã khảo sát điện sinh lý và đặt máy tạo nhịp cho 3.611 trường hợp. Đặc biệt trước kia những người nước ngoài làm việc tại Việt nam mắc bệnh tim thường phải được cấp cứu chuyển sang nước ngoài điều trị rất phức tạp, nguy hiểm và tốn kém. Những năm gần đây, người nước ngoài làm việc tại Việt nam (Mỹ, Pháp, Nga, Ý, Anh, Đức, Nhật, Hàn quốc, Ấn độ, Đài loan, Singapore, Lào, Campuchia...) có vấn đề về tim mạch đã đến Tâm Đức để cấp cứu, thông tim, điều trị loạn nhịp và mổ bắc cầu động mạch vành.

Ngoài hoạt động khám, chữa bệnh, Bệnh viện Tim Tâm Đức còn phải chăm lo cho những người nghèo để cho họ cũng có cơ hội được chữa trị.

Không chỉ những người có khả năng chi trả chi phí mới được mổ tại Bệnh viện Tim Tâm Đức mà nơi đây còn là địa chỉ tin cậy để các Tổ chức từ thiện, Hội bảo trợ Bệnh nhân nghèo các tỉnh, Thành trong cả nước tin tưởng gửi các cháu bị bệnh tim bẩm sinh đến phẫu thuật. Tổng số các cháu được phẫu thuật tim do BHYT, các tổ chức và cá nhân từ thiện tài trợ đóng thay chi phí từ lúc Bệnh viện bắt đầu hoạt động đến 31.12.2022 là 6.711 trường hợp chiếm tỷ lệ 61% tổng số bệnh nhân được mổ (6.711/11.083), với tổng số tiền được tài trợ lên đến trên 400 tỷ đồng.

Bệnh viện luôn coi trọng công tác đào tạo chuyên môn, giúp đỡ y tế tuyến trước, tổ chức các khoá học về điện tâm đồ; chẩn đoán và điều trị loạn nhịp tim; định kỳ cử các bác sĩ đứng đầu các Khoa về y tế cơ sở ở thành phố Hồ Chí Minh cũng như các tỉnh miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long sinh hoạt chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm trong chẩn đoán và điều trị các bệnh về tim mạch.





ThS.BS. Phan Kim Phuong, tu nghiệp tại BV Broussais, Pháp (1989-1991),
Phẫu thuật viên trưởng phẫu thuật tim Viện tim (1992-2015),
Thành viên Hội Phẫu thuật Lồng ngực Việt Nam, Nguyên Giám đốc Viện Tim



ThS.BS. Phan Kim Phuong,
*Sáng lập - Cố vấn Chuyên môn - Thành viên Hội đồng Quản trị
Bệnh viện Tim Tâm Đức*



TS.BS. Tôn Thất Minh
Thành viên Hội Nhịp tim Châu Á Thái
Bình dương (APHRs)
Chủ tịch Hội Nhịp Học Tp. HCM
Chủ tịch Hội Nhịp học Việt Nam
Giám đốc Bệnh viện Tim Tâm Đức

TS.BS. Tôn Thất Minh
tu nghiệp tại BV Jean Rostang, Paris, Pháp (1998-1999)



TS.BS. Tôn Thất Minh
tại ESC 2022



TS.BS. Tôn Thất Minh
Chủ tọa và báo cáo tại APHRs 2022



TS.BS. Chu Trọng Hiệp
Tu nghiệp tại BV Georges Pompidou, Paris, Pháp (2002-2003)
Ủy viên Ban Chấp hành Hội phẫu thuật tim mạch lồng ngực
Việt Nam và Tp. HCM
Hội viên Hội tim mạch Việt Nam



TS.BS. Chu Trọng Hiệp
Giám đốc Ngoại Tim Mạch Bệnh viện Tim Tâm Đức



TS.BS. Đinh Đức Huy

Thành viên Hội can thiệp tim mạch Hoa kỳ (FSCAI)

Thành viên Hội tim mạch can thiệp Châu Á

Thái Bình dương (FAPSIC)

Thành viên Hội tim mạch Đông Nam Á (FASCC)

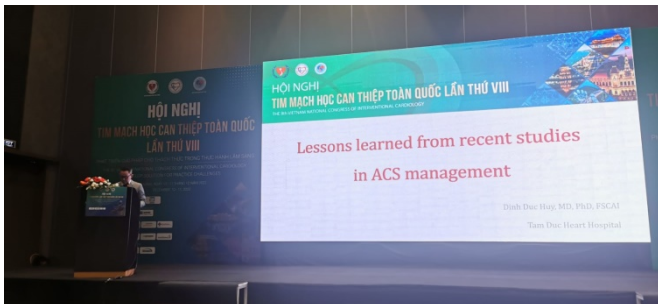
Thành viên Hội Tim mạch Can thiệp Tp. HCM

Thành viên Hội Tim mạch Can thiệp Việt nam

Giám đốc Nội tim mạch Bệnh viện Tim Tâm Đức



TS.BS. Đinh Đức Huy,
Chủ tọa đoàn và Báo cáo viên
AICT PCR 2022



TS.BS. Đinh Đức Huy
báo cáo tại Hội nghị Tim mạch học Can thiệp
Toàn quốc lần thứ VIII 2022



TS.BS. Đinh Đức Huy,
Chủ tọa đoàn & Báo cáo viên
Singapore Live 2023



ThS.BS. Nguyễn Huỳnh Khương,
Tu nghiệp tại Viện Tim Mạch Quốc gia Malaysia
(Institut Jantung Negara) (2006-2007)
Thành viên Hội Tim mạch Can thiệp Việt nam
*Phó Giám đốc Thông tin can thiệp và Bệnh lý mạch máu
Bệnh viện Tim Tâm Đức*



ThS.BS. Nguyễn Huỳnh Khương
Báo cáo tại Hội nghị thường niên Thông tin can
thiệp Châu Á (Speaker- 1st Asian ECC) 2017



PGS.TS.BS. Nguyễn Thị Bích Đào
Phó Chủ tịch Hội Nội tiết-Đái tháo đường Việt nam
Chủ tịch Hội Đái tháo đường và Nội tiết Tp HCM
Ủy viên Ban chấp hành hội Vietspen Viet Nam
Phó Giám đốc Nội tiết-Chuyển hóa & Dinh dưỡng Bệnh viện Tim Tâm Đức



PGS.TS.BS. Nguyễn Thị Bích Đào
Chủ tọa, đồng chủ tọa, báo cáo viên tại các hội thảo chuyên ngành tại Việt nam



BS. CKI. Đỗ Văn Bửu Đan

Thành viên Ban Chấp Hành Hội nhịp tim Tp HCM

Thành viên Ban chấp hành phân hội nhịp học Việt Nam

Tổng Giám đốc - Phó Giám đốc Điện sinh lý tim

Bệnh viện Tim Tâm Đức



BS. CKI Đỗ Văn Bửu Đan

Hội nghị kỷ niệm 20 năm thành tựu cắt đốt tại
Đài Loan



BS. CKI Đỗ Văn Bửu Đan tu nghiệp tại
Université Victor Segalen de Bordeaux 2, Pháp
(2004)



BS. CKI Đỗ Văn Bửu Đan

Thành viên cao cấp Hội Nhịp tim Hoa Kỳ
(FHRs) từ 2017

2. PHÁT TRIỂN CƠ SỞ:

Bệnh viện Tim Tâm Đức đã được xây dựng 17.322 m² trên diện tích 10.000m² do UBND TP giao đất sử dụng trong 50 năm, khánh thành ngày 08/03/2006.

Ngày 03/02/2005, Tâm Đức được UBND TP cho thuê thêm có trả tiền sử dụng đất hàng năm 5.000 m² ở khu vực phía sau liền kề để mở rộng cơ sở để xứng tầm khu vực

Ngày 18/09/2009, Bệnh viện Tim Tâm Đức được phép xây dựng khu vực phía sau gồm 8 tầng , diện tích sàn xây dựng: 7.067m² để phát triển thêm 2 khu hồi sức nội và ngoại với 40 giường hồi sức; 2 phòng can thiệp tim mạch; 1 phòng khám số 2 có khả năng khám và điều trị ngoại trú cho 250 bệnh nhân/ngày và 3 Khoa điều trị mới với 80 giường.

Dự án đã được khởi công ngày 21/06/2010, hoàn thành vào cuối tháng 9/2011, hoạt động từ tháng 10.2011.

Đến nay, Tâm Đức có 2 khu khám ngoại trú, 236 giường nội trú, 6 Khoa điều trị nội và ngoại tim mạch, khu khám bệnh, điều trị và hồi sức đặc biệt, 2 phòng Thông tim can thiệp, 1 Phòng điện sinh lý tim, 3 phòng mổ, cấp cứu và 2 khoa Hồi sức tim mạch, 1 phòng chụp X Quang cắt lớp (MSCT),

3. PHÁT TRIỂN VỐN ĐIỀU LỆ:

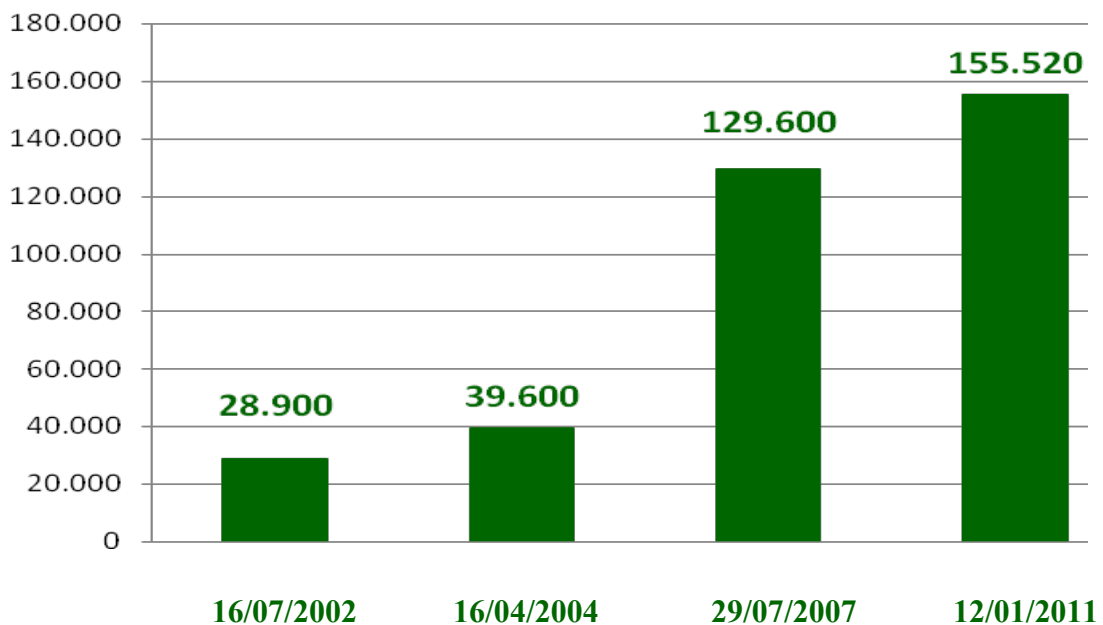
Công ty được thành lập ngày 16/07/2002 vốn điều lệ ban đầu là 28,9 tỷ đồng.

Đã có 2 đợt tăng vốn điều lệ trong các năm 2004 và 2007 theo các nghị quyết của Đại Hội Cổ Đông.

Ngày 24/04/2010, Đại hội cổ đông thường niên đã thông qua nghị quyết tăng vốn góp thêm 25,92 tỷ đồng từ các cổ đông hiện hữu. Ngày 12/01/2011, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu (theo Giấy chứng nhận chào bán số 733/UBCK-GCN ngày 16/11/2010 của UBCKNN), vốn điều lệ hiện nay là 155,52 tỷ đồng. Tổng số cổ đông đến ngày 31.12.2022 là 257, có 10 cổ đông cá nhân nước ngoài, sở hữu 77.900 cổ phiếu, chiếm 0,50% vốn điều lệ; 5 cổ đông tổ chức nước ngoài, sở hữu 80.401 cổ phiếu, chiếm 0,51% vốn điều lệ.

BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG VỀ VỐN GÓP CỦA CỔ ĐÔNG

Đơn vị : triệu đồng





*Phẫu thuật tim hở tại TÂM ĐỨC
BS. Phan Kim Phương, phẫu thuật viên tim, nguyên Giám đốc Viện tim Tp. HCM
Cố vấn chuyên môn, Thành viên Hội đồng Quản trị Bệnh viện Tim Tâm Đức*

Phần II

**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÂM ĐỨC NĂM 2022
KẾ HOẠCH TÂM ĐỨC NĂM 2023**

A. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022.

I. KẾT THÚC KẾ HOẠCH 2021, XÂY DỰNG KẾ HOẠCH 2022

1. Báo cáo tài chính niên độ 2021 ngày 07.03.2022
2. Kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2021 do Công Ty Kiểm Toán AISC thực hiện ngày 07.03.2022, kết quả tốt
3. Ban kiểm soát làm việc với lãnh đạo Công Ty về kết quả hoạt động năm 2021 vào ngày 26.03.2022 nhất trí với kết quả hoạt động và việc thực hiện qui trình quản lý của Công Ty.
4. Đánh giá về sức khỏe tài chính của Công Ty do Thạc sỹ Phạm Anh Dũng, Thành viên Hội Đồng Quản Trị giám sát về tài chính và một chuyên gia tài chính độc lập đều cho thấy sức khỏe tài chính của Tâm Đức tốt.
5. Xây dựng kế hoạch 2022:

Về chuyên môn:

- Năm 2022, tình hình chung có nhiều khó khăn về dịch Covid 19 và biến động nhân sự nên các chỉ tiêu chuyên môn giữ ở mức tương đương 2021.
- Thông tin can thiệp và Điện sinh lý tim phải đạt trên 1.000.
- Về mổ tim: vì hiện nay số trung tâm mổ tim ở thành phố và cả nước cao hơn nhiều so với các năm trước đó. Hơn nữa, do ảnh hưởng của dịch Covid, Tâm Đức xác định kế hoạch mổ tim của 2022 là mức 300, trong đó 60% là trẻ em nghèo cần tài trợ.

Về nhân sự:

- Chủ yếu sẽ chỉ là tuyển dụng thay thế nhân viên nghỉ việc và cho các hoạt động mới. Tiếp tục đào tạo trong nước và ngoài nước.
- Lương tối thiểu vùng tăng theo qui định nên lương và mức đóng BHXH cao hơn. Do đó, tổng quỹ lương sẽ phải tăng
- Tâm Đức bảo đảm thường cuối năm khi hoàn thành kế hoạch ít nhất là 2 tháng lương cơ bản.

Về tài chính:

Năm 2022 các chi phí đều cao hơn năm trước và vừa qua con đại dịch Covid 19, mới bắt đầu thời kỳ hoạt động hồi phục còn chưa thể xác định tình hình phát triển. Do đó, Tâm Đức phải luôn luôn tuân thủ quy định về tiết kiệm mới có thể đạt kết quả tài chính khả quan

II. CHUẨN BỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 2022

Hội Đồng Quản Trị đã họp phiên thứ 2 năm 2022 ngày 08.03 2022 để thông qua kết quả hoạt động 2021, kế hoạch 2022, và chuẩn bị tổ chức Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2022.

Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị ngày 08.03.2022 đã thông qua đánh giá hoạt động năm 2021 và xác định kế hoạch năm 2022 về chuyên môn và về tài chính ở mức tương đương năm 2021.

<i>Tổng doanh thu</i>	<i>: 550 tỷ đồng.</i>
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>: 55 tỷ đồng.</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>: 49 tỷ đồng.</i>
<i>Cổ tức</i>	<i>: 26%/mệnh giá.</i>

III. ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022 NGÀY 28.04.2022:

- Tổng số cổ đông chốt danh sách ngày 31.03.2022: 260
- Tổng số cổ đông tham dự đại hội: 128
- Tổng số cổ phần tham dự đại hội: 14.259.076 cổ phần, chiếm tỷ lệ 91,69%
- Nghị quyết của Đại Hội Cổ Đông ngày 28.04.2022:

Đại hội biểu quyết thông qua Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông 28.04.2022:

1. *Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch năm 2021, báo cáo kiểm toán niên độ 2021 (100%)*
2. *Thông qua báo cáo của Ban Kiểm Soát năm 2021. (100%)*
3. *Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận 2021. Mức chi trả cổ tức 2021 là 10%/mệnh giá thay vì 26% như Đại Hội Cổ Đông 2021 ngày 24.04.2021 đã quyết định. (100%)*
4. *Thông qua đề xuất ủy quyền HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2022 (100%)*
5. *Thông qua kế hoạch Tâm Đức 2022 (100%)*
Về nhân sự: Tâm Đức đã hoạt động ổn định và phát triển 16 năm. Đội ngũ lãnh đạo và chuyên môn của Tâm Đức đã trưởng thành, nhưng cần tiếp tục đào tạo sau đại học ở những vị trí kỹ thuật xung yếu và chuẩn bị lực lượng lãnh đạo kế thừa.
Về chuyên môn: Năm 2022 vừa qua con đại dịch Covid 19, mới bắt đầu thời kỳ hoạt động hồi phục. Khám bệnh, cấp cứu và điều trị nội trú tương đương với kế hoạch 2021. Phẫu thuật tim phải đạt 300, thông tim can thiệp và điện sinh lý tim phải đạt trên 1.000.
Về tài chính: tương đương kế hoạch của năm 2021

<i>Tổng doanh thu</i>	<i>550 tỷ đồng</i>
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>55 tỷ đồng</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>49 tỷ đồng</i>
<i>Cổ tức</i>	<i>26%/mệnh giá</i>
6. *Thông qua kế hoạch trích quỹ 2022 (100%)*
7. *Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022 (100%)*
8. *Thông qua kết quả thành viên hội đồng quản trị thay thế DS.CKII Thân Thị Thu Vân đã xin miễn nhiệm ngày 17/1/2022 (100%)*
9. *Thông qua sửa đổi Điều lệ (100%)*
10. *Thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị công ty (100%)*
11. *Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị (100%)*
12. *Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (100%)*



Đường vào Bệnh viện Tim Tâm Đức

IV. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 28.04.2022:

Năm 2022, Hội Đồng Quản Trị đã họp 4 phiên như sau:

- Hội Đồng Quản Trị NKVI đã họp ngày 21.01.2022 nhằm Đánh giá kết quả hoạt động năm 2021, bổ nhiệm Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng. Tỷ lệ tham dự: 5/5
- Hội Đồng Quản Trị NKVI đã họp ngày 08.03.2022 nhằm Đánh giá kết quả hoạt động của năm 2021, chuẩn bị Đại Hội Cổ Đông 2022. Tỷ lệ tham dự: 5/5
- Hội Đồng Quản Trị NKVI đã họp ngày 21.07.2022 nhằm Đánh giá kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2022, quyết định tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022, chuẩn bị hoạt động 6 tháng cuối năm 2022. Tỷ lệ tham dự: 5/5
- Hội Đồng Quản Trị NKVI đã họp ngày 15.12.2022 nhằm Đánh giá kết quả hoạt động 11 tháng đầu năm 2022, dự kiến kết quả cả năm và phương hướng hoạt động năm 2023, quyết định tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2022. Tỷ lệ tham dự: 5/5

Cổ tức từ 2011-2021:

Năm 2011: cổ tức cả năm là 26%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 20.08.2011; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 10.01.2012; đợt 3: 6% ngày 10.05.2012.

Năm 2012 : cổ tức cả năm là 26%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 28.08.2012; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 28.12.2012; đợt 3: 6% ngày 11.05.2013.

Năm 2013 : cổ tức cả năm là 26%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 22.08.2013; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 14.01.2014; đợt 3: 6% chi vào ngày 12.05.2014.

Năm 2014 : cổ tức cả năm là 30%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 15.08.2014; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 20.01.2015; đợt 3: 10% chi vào ngày 22.05.2015.

Năm 2015: cổ tức cả năm là 30%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 18.08.2015; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 21.12.2015; đợt 3: 10% chi vào ngày 20.05.2016.

Năm 2016: cổ tức cả năm là 30%/mệnh giá. Tạm ứng cổ tức đợt 1: 10% mệnh giá vào ngày 15.08.2016, tạm ứng cổ tức đợt 2: là 10%/ mệnh giá vào ngày 12.12.2016 đợt 3: 10%/mệnh giá chi vào ngày 29.05.2017.

Năm 2017: cổ tức cả năm là 33%/mệnh giá. Tạm ứng cổ tức đợt 1 là 10%/mệnh giá vào ngày 16.08.2017, cổ tức đợt 2 là 10%/mệnh giá vào ngày 19.01.2018. đợt 3: 13%/mệnh giá chi vào ngày 23.05.2018

Năm 2018: *cổ tức cả năm là 33%/mệnh giá. Tạm ứng cổ tức đợt 1 là 11%/mệnh giá vào ngày 08.08.2018, cổ tức đợt 2 là 11%/mệnh giá vào ngày 21.01.2019, đợt 3 là 11%/mệnh giá vào ngày 24.05.2019.*

Năm 2019: *Mức cổ tức 2019 chi trả theo nghị quyết ĐHCĐ 27.04.2019 là 33%/mệnh giá. Tâm Đức đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 11%/mệnh giá vào ngày 21.08.2019, cổ tức đợt 2 là 11%/mệnh giá vào ngày 21.11.2019, đợt 3 là 11%/mệnh giá vào ngày 26.05.2020.*

Năm 2020: *Mức cổ tức 2020 chi trả theo nghị quyết ĐHCĐ 24.04.2021 là 28%/mệnh giá. Tâm Đức đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 6%/mệnh giá vào ngày 18.08.2020, tạm ứng cổ tức đợt 2 là 8%/mệnh giá vào ngày 15.01.2021, đợt 3 là 14%/mệnh giá vào ngày 24.05.2021.*

Năm 2021: *Mức cổ tức 2021 chi trả theo nghị quyết ĐHCĐ ngày 28.04.2022 là 10%/mệnh giá, chi vào ngày 27/5/2022.*

Ban hành các quy chế đã được Đại hội Cổ đông 28.04.2022 thông qua:

1. Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị
2. Quy chế hoạt động Ban Kiểm Soát
3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty

V. VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16.11.2020 về công bố thông tin của Ủy Ban Chứng Khoán, Tâm Đức đã công bố theo qui định trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện, cổng thông tin điện tử của Ủy Ban Chứng Khoán và gửi Ủy Ban Chứng Khoán, cổng thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán và gửi Sở Giao dịch Chứng khoán.

Ngày 02.03.2023, Tâm Đức đã thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại Hội Cổ Đông ngày 28.04.2023.



Đường vào cấp cứu TÂM ĐỨC



Bệnh viện Tim Tâm Đức, khu vực mới xây dựng 2012



B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

1. VỀ TỔ CHỨC NHÂN SỰ :

1.1. CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp năm 2000, lần lượt được thay thế bằng Luật Doanh nghiệp năm 2005, Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Luật Doanh nghiệp năm 2020, các Luật khác có liên quan và Điều lệ của công ty. Hiện nay Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức có:

Bệnh viện Tim Tâm Đức số 04 Nguyễn Lương Bằng, P.Tân Phú, Q.7, Tp.Hồ Chí Minh.

1.2. NHÂN SỰ

1.2.1 NHÂN SỰ LÃNH ĐẠO:

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- | | |
|------------------------------|-----------------------|
| 1. TS. BS. Nguyễn Ngọc Chiêu | Sáng lập - Chủ tịch |
| 2. ThS.BS. Phan Kim Phương | Sáng lập - Thành viên |
| 3. TS.BS. Chu Trọng Hiệp | Thành viên |
| 4. ThS. Phạm Anh Dũng | Thành viên |
| 5. BS. CKI. Phạm Bích Xuân | Thành viên |

2. BAN GIÁM ĐỐC

- | | |
|-----------------------------------|---|
| 1. BS. CKI Đỗ Văn Bửu Đan | Tổng Giám Đốc- Phó Giám đốc Điện sinh lý tim |
| 2. TS. BS. Tôn Thất Minh | Giám Đốc Bệnh viện |
| 3. TS.BS. Chu Trọng Hiệp | Giám Đốc Ngoại tim mạch |
| 4. TS.BS. Đinh Đức Huy | Giám Đốc Nội tim mạch |
| 5. BS. CKI Phạm Bích Xuân | Giám Đốc Đồi Ngoại |
| 6. ThS. Phan Thị Thanh Nga | Giám Đốc Tài Chính-Kế toán trưởng |
| 7. PGS.TS.BS. Nguyễn Thị Bích Đào | Phó Giám Đốc phụ trách Nội tiết-Chuyên hoá & Dinh dưỡng |
| 8. ThS.BS. Nguyễn Huỳnh Khương | Phó Giám Đốc – Thông tin can thiệp và Bệnh lý mạch máu |
| 9. BS. CKII Lý Huy Khanh | Phó Giám đốc Kế hoạch Tổng hợp |
| 10. ThS.BS. Ngô Thị Kim Ánh | Phó Giám đốc Khám bệnh & Điều trị ngoại trú |
| 11. BS. CKII Thái Minh Thiện | Phó Giám đốc Cấp cứu & Hồi sức Nội tim mạch |
| 12. CN. Nguyễn Ngọc An Khôi | Phó Giám Đốc Quản lý Chất lượng Bệnh viện |
| 13. CN. Trương Thị Mai Lan | Phó Giám Đốc Hành chánh |
| 14. CN. Trần Thị Thanh Nhân | Phó Giám Đốc Quản trị và Tổ chức nhân sự |

3. BAN KIỂM SOÁT

- | | |
|----------------------------|------------|
| 1. CN. Vương Thị Quỳnh Anh | Trưởng Ban |
| 2. Bà. Bùi Thúy Kiều | Thành viên |
| 3. BS. Nguyễn Nhị Phương | Thành viên |

1.2.2. NHÂN SỰ:

Tổng số nhân viên tại thời điểm 31/12/2022 là: 546 người, thành phần như sau:

Stt	Chức danh	2018	2019	2020	2021	2022	Tỷ lệ %
1	Phó Giáo sư	2	2	2	1	1	0,18
2	Tiến sĩ	3	3	4	4	5	0,92
3	Thạc sĩ y khoa	20	21	25	21	21	3,85
4	Chuyên khoa I	19	29	32	19	22	4,03
5	Chuyên khoa II	9	9	8	7	12	2,20

6	Bác sĩ	46	33	22	17	13	2,38
7	Thạc sĩ dược khoa	1	1	1	0	0	0,00
8	Dược sĩ CKI				1	2	0,37
9	Dược sĩ	5	5	6	5	9	1,65
10	Dược cao đẳng		1	2	5	6	1,10
11	Dược trung cấp	21	21	20	13	9	1,65
12	Dược tá	2	1	1	1	1	0,18
13	Điều dưỡng	237	234	227	177	208	38,10
14	KTV	36	37	36	33	31	5,68
15	Trợ thủ nha	3	3	1	0	0	0,00
16	Y công	69	75	75	65	72	13,19
17	Thạc sĩ khác	1	2	3	2	2	0,37
18	Đại học khác	36	38	39	33	38	6,96
19	Cao đẳng	9	9	12	12	13	2,38
20	Trung cấp	20	17	16	14	11	2,01
21	Khác	53	51	52	67	70	12,82
Tổng số		592	592	584	496	546	100

Năm 2021, nhân sự Tâm Đức giảm do ngưng hoạt động Phòng khám Đa khoa Tâm Đức & Phòng khám Đa khoa Phúc Đức. Năm 2022, nhân sự đã ổn định, tinh gọn có chất lượng đáp ứng được tất cả các hoạt động chuyên môn. Tâm Đức tiếp nhận các bác sĩ đã có trình độ, không tiếp nhận để đào tạo như trước kia. *Hiện nay 82% bác sĩ là bác sĩ sau đại học.*

Điều dưỡng là lực lượng rất quan trọng trong chăm sóc bệnh nhân. *Ở Tâm Đức không bị thiếu điều dưỡng, có 34% điều dưỡng là điều dưỡng đại học và sau đại học.*

Tỷ lệ điều dưỡng/bác sĩ là 3,1, trên tiêu chuẩn 2,5.

ThS.BS. Phan Kim Phương đã được Đại hội Cổ đông ngày 28.04.2022 bầu là thành viên Hội đồng Quản trị.

ThS. Phan Thị Thanh Nga, Giám đốc Tài chính được bổ nhiệm kiêm Kế toán trưởng ngày 21.01.2022

1.3. BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ BẢO HIỂM Y TẾ CHO NHÂN VIÊN :

Đến 31/12/2022, 527 nhân viên được đóng BHXH

Tổng số tiền trích nộp BHXH, BHYT, BHTN từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 là 11.461.721.124 đồng (Trong đó Công ty đóng 7.582.935.165 đồng (66,15%), người lao động đóng 3.878.785.958 đồng (33,85%))

1.4. LƯƠNG THUỞNG :

Đơn vị tính: đồng

Năm	Tổng quỹ lương	Tổng chi phí	Tỷ lệ %
2015	90.578.564.688	385.658.363.692	23,4%
2016	96.397.450.849	417.499.744.788	23,1%
2017	114.955.958.436	474.443.648.318	24,2%
2018	126.137.241.478	509.763.277.451	24,7%

2019	144.670.838.533	576.901.449.490	25,0%
2020	129.751.596.701	513.361.730.442	25,3%
2021	110.090.672.126	421.227.684.822	26,1%
2022	169.984.514.502	624.117.890.702	27,2%

Tổng quỹ lương năm 2022 là 169,9 tỷ, chiếm 27,2% tổng chi phí là do hoạt động tăng cao sau dịch Covid 19 nên thu nhập từ thưởng thành quả và thưởng Tết tăng.

2. VỀ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN:

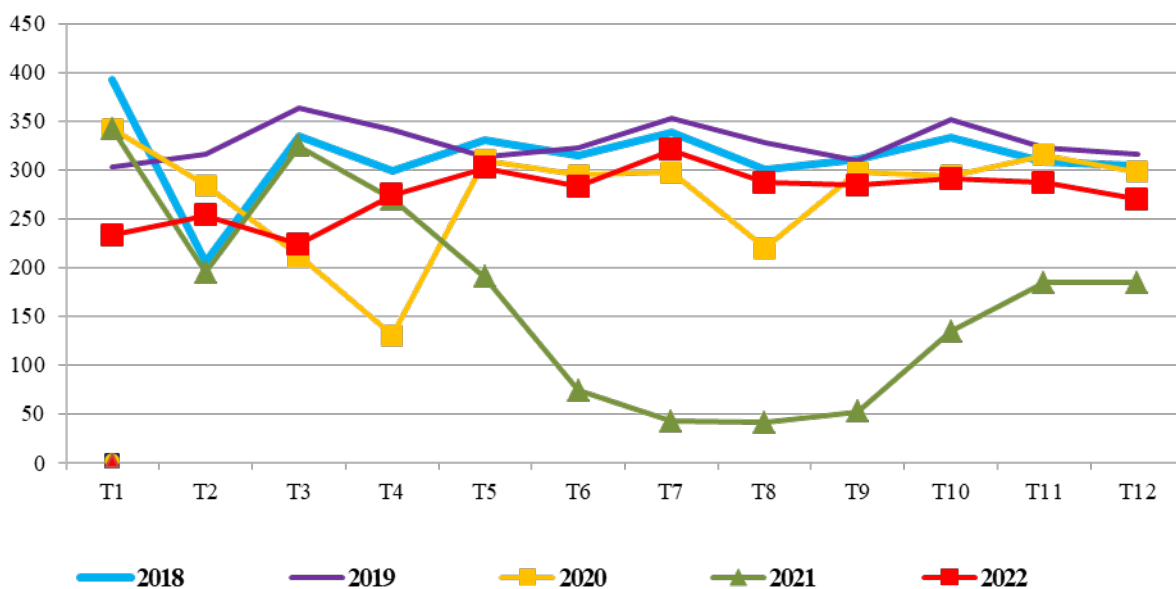
Năm 2022, Tâm Đức bắt đầu hồi phục sau dịch bệnh Covid 19, công suất hoạt động tốt hơn nhiều so với 2021, tiến đến mức hoạt động bình thường ở những năm 2018,2019 trước khi có dịch.

2.1. KHU KHÁM BỆNH VÀ ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ CỦA BỆNH VIỆN

	2018	2019	2020	2021	2022
Khám tim	86.808	91.025	74.868	46,450	76.062
<i>Khám chuyên gia theo yêu cầu</i>	38.803	38.615	29.914	18,614	25.596
<i>Khám thường quy</i>	48.005	47.420	35.870	18,822	31.057
<i>Khám khu VIP</i>		4.990	9.084	9,014	19.409
Hội chẩn ngoại	431	347	230	56	491
Hội chẩn nội	426	305	202	47	91
Khám RHM	1.538	1.733	1.306	326	-
Khám TMH	2.161	1.791	1.080	255	-
Khám mắt	1.260	1.188	770	240	-
Khám phụ khoa	498	-	-	-	-
Khám nội tiết	1.269	1.495	1.190	601	773
Nội tổng quát	1.776	1.537	795	260	
Khám nhi	301	212	96	23	
Tổng cộng	96.474	104.627	80.537	48,258	77.417

Năm 2022, hoạt động khám bệnh đã hồi phục. Mỗi ngày có hơn 300 người bệnh đến khám, trong đó 24% là bệnh nhân mới

Biểu đồ 01: Số lượt bệnh nhân khám bình quân/ngày từ 2018 đến 2022



2.2. ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ:

a. Bệnh nhân nhập viện:

	2018		2019		2020		2021		2022	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
TPHCM	2.854	52	2.545	51	1.702	41	1,681	57	1.766	40
Tỉnh phía Nam	2.139	39	2.770	40	2.022	49	1,049	35	2.110	48
Tỉnh miền Trung	319	6	349	6	308	8	146	5	357	8
Tỉnh phía Bắc	16	0	32	0	13		4		40	1
Nước ngoài	187	3	224	3	75	2	74	3	144	3
Cộng	5.515	100	5.920	100	4.120	100	2,954	100	4.417	100



Cấp cứu ngoại viện

Năm 2022 bệnh nhân nội trú cao hơn 2020, 2021.

Bệnh nhân của Tâm Đức chủ yếu ở Tp. Hồ Chí Minh (40%) và các tỉnh phía Nam (48%). Bệnh nhân là người nước ngoài nhiều quốc tịch đã khám ở Tâm Đức tăng qua các năm; năm 2020, 2021 có giảm do dịch Covid (2018: 1.459; năm 2019: 2.671; năm 2020: 1185; năm 2021: 1.064, 2022: 1.780). Năm 2022, bệnh nhân là người nước ngoài đến điều trị nội trú 144 trường hợp, chiếm 3% bệnh nhân nội trú của Tâm Đức, bao gồm Úc, Campuchia, Hàn quốc, Đức, Trung quốc, Mã lai, Phần Lan, Mỹ, Hồng Kông, Đài Loan.

b. Tổng số ngày nằm viện

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng số ngày nằm viện	43.359	44.570	32.356	24.848	36.188

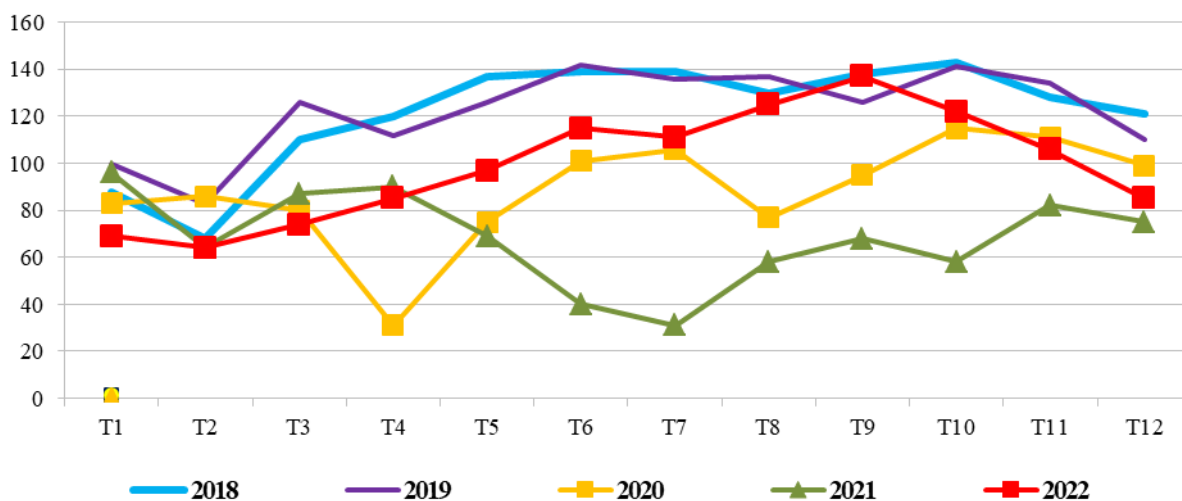
Tổng số ngày nằm viện năm 2022 đã hồi phục cao hơn 2020 và 2021 nhưng vẫn còn thấp so với 2019.

c. Số ngày điều trị trung bình

Khoa	Số ngày điều trị trung bình				
	2018	2019	2020	2021	2022
Nội tim mạch 1	4,85	5,08	4,55	4,56	4,79
Điều trị đặc biệt		4,56	4,7	5,55	4,97
Nội tim mạch 2	3,58	3,79	3,88	5,28	3,71
Nội tim mạch 3	4,89	5,3	5,82	5,87	7,44
Nội tim mạch 4	5,21	6,39	7,07	8,68	6,31
Nội tim mạch 5	6,13	6,95	7,22	8,49	10
Nội tim mạch - mạch máu	3,94	4,27	4,66	5,75	4,93
Hồi sức cấp cứu nội tim mạch	5,14	6,74	7,64	9	7,16
Cấp cứu	3,54	3,95	1,45	1,23	4,1
Ngoại tim mạch	5,9	11,33	9,9	9,33	9,87
Hồi sức cấp cứu ngoại tim mạch	3,02	3,72	4,64	6,3	5,44

Số ngày điều trị trung bình ổn định qua các năm. Số ngày điều trị trung bình của Khôi nội từ 5-7 ngày, Ngoại tim mạch là 10 ngày, Hồi sức ngoại là 5,44 ngày. Ngày điều trị trung bình ở Hồi sức ngoại tăng là do những năm sau này, trẻ em mắc bệnh tim bẩm sinh đến Tâm Đức đa số là các trường hợp rất nặng.

Biểu đồ 02: Số bệnh nhân nằm viện bình quân/ngày từ 2018 đến 2022



Tổng số ngày nằm viện năm 2022 đã hồi phục cao hơn 2020 và 2021 nhưng vẫn còn thấp so với 2019.



Khu khám Điều trị Đặc biệt



Bệnh nhân người nước ngoài



Khu Điều trị Đặc biệt

d. Tỷ lệ sử dụng giường bệnh

Khoa	Tỷ lệ sử dụng giường (%)				
	2018	2019	2020	2021	2022
Nội tim mạch 1	37	44	41	27	44
Điều trị đặc biệt		53	24	27	38
Nội tim mạch 2	44	39	30	38	37
Nội tim mạch 3	42	44	39	23	37
Nội tim mạch 4	46	50	51	53	49
Nội tim mạch 5	45	51	35	18	35
Nội tim mạch - mạch máu	44	42	33	39	38
Hồi sức cấp cứu nội tim mạch	72	61	49	45	54
Cấp cứu	66	45	20	23	39
Ngoại tim mạch	62	57	35	17	40
Hồi sức cấp cứu ngoại tim mạch	46	61	55	31	71

Tỷ lệ sử dụng giường bệnh năm 2022 là 42%, cao hơn 30% của 2021, còn thấp so với yêu cầu trên 50%



2.3 THÔNG TIN CAN THIỆP :

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
1 Mạch vành	1.442	1.554	1.125	724	1.463
Chụp mạch vành	944	1007	750	471	978
Chụp và nong mạch vành		0	0		
Nong mạch vành	498	547	375	253	485
2.Mạch máu	84	107	65	22	55
Chụp chẩn đoán m/ máu ngoại biên	11	25	9	3	8
Can thiệp mạch máu ngoại biên	3	14	6	1	3
Can thiệp mạch máu	1	3	7	0	1
Nong động mạch thận	1	0	0	0	1
IVUS	52	49	38	18	33
Can thiệp động mạch cảnh	8	3	2	0	4
Can thiệp động mạch chủ, bụng, ngực	3	9	3	0	2
Can thiệp động mạch chậu/dưới đòn/đùi	5	4	0	0	3
3.Nong van 2 lá bằng bóng	5	0	3	0	1
4. Nong van 2 lá bằng mitral clip	0	0	0	0	0
5. Thay van động mạch chủ qua da	4	0	0	0	0
6. Thay van động mạch phổi qua da			2	0	0
7. Tim bẩm sinh	142	143	101	19	80
Đóng ống động mạch	19	11	7	0	7
Đóng thông liên nhĩ	34	42	36	8	46
Đóng lỗ bầu dục					1
Chụp mmáu tbs	3	1	5	0	0
Đo kháng lực mạch máu phổi	5	1	0	0	5
Nong van động mạch phổi bằng bóng	4	11	4	2	7
Đo kháng lực mmáu phổi + chụp mm	68	61	42	8	6
Đo FFR	6	5	2	0	0
Đốt vách liên thất bằng cồn	1	6	4	1	1
Dò động mạch vành	0	0	0	0	0
Đặt stent động mạch phổi	1	1	1	0	1
Khoan tổn thương vô hóa (ROTA)	1	4	0	0	6
Tổng cộng (1+2+3+4+5+6+7)	1.677	1.804	1.296	765	1.599

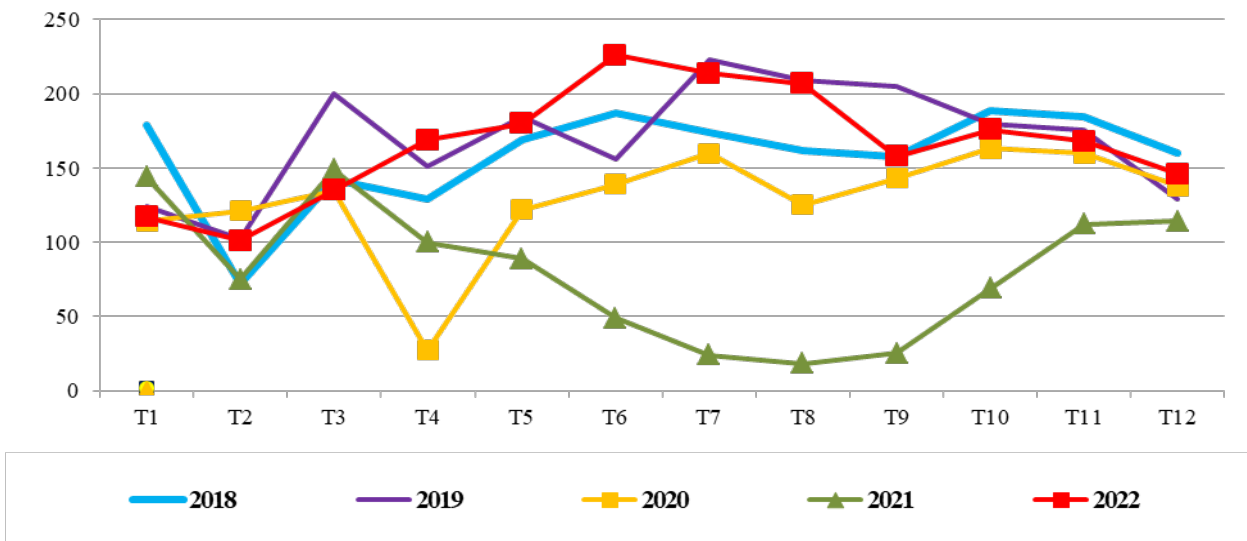
Năm 2022, thông tin can thiệp đã hồi phục hoạt động, hơn gấp đôi năm 2021 (1.599/765), gần bằng các năm trước dịch.

Kỹ thuật thông tin can thiệp ổn định và phát triển tốt trong nhiều năm và cứu sống được nhiều người bệnh trong 6 giờ vàng và đã phát triển thêm các kỹ thuật mới như đặt stent graft can thiệp động mạch chủ bụng, đặt stent động mạch phổi, khoan tổn thương vô hóa động mạch vành từ tháng 10.2022, thay van động mạch phổi qua da.



Thông tin can thiệp mạch vành

Biểu đồ 04: Số ca thông tim can thiệp và điện sinh lý tim hàng tháng từ 2018 đến 2022



2.4 ĐẶT MÁY TẠO NHỊP – KHẢO SÁT ĐIỆN SINH LÝ TIM

	2018	2019	2020	2021	2022
Đặt máy tạo nhịp tạm thời	16	9	7	8	19
Đặt máy tạo nhịp vĩnh viễn	63	67	46	66	74
Đặt máy ICD	19	26	42	21	30
Thay dây máy tạo nhịp	16	5	1	3	11
Khảo sát điện sinh lý	38	42	57	24	55
Khảo sát cắt đốt ĐSL	45	65	76	54	101
Thay máy PM	11	2	0	1	23
Cắt đốt bằng mapping 3D	21	20	22	26	85
Tổng cộng	229	236	251	203	398

Năm 2022 đã đạt gấp đôi của năm 2021 (367/203). Kỹ thuật mới đã phát triển, cắt đốt bằng mapping 3D điều trị nhịp nhanh trên thất giảm thời gian chiếu tia X, kỹ thuật đặt máy tạo nhịp từ bó His giảm tỷ lệ suy tim về lâu dài, thành công tốt đẹp.



2.5 PHẪU THUẬT

PHÂN LOẠI PHẪU THUẬT

	2018		2019		2020		2021		2022	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
CF (mô tim kín)	15	3	26	5	17	5	3	2	12	3
CO (mô tim hở)										
I	57	12	73	15	43	12	9	5	66	15
II	73	16	60	12	27	8	10	6	20	4
III	95	20	80	17	52	15	24	15	56	12
IV	96	21	91	20	82	22	42	25	115	26

V	61	13	88	18	70	20	36	22	69	16
<i>Đặc biệt</i>										
<i>MM (mạch máu)</i>										
I	7	1	0		3	1	3	2		
II	3	1	9		3	1	3	2		
III	1	0	0		0		0	0		
IV	1	0	0		0		0	0		
<i>PO (bắc cầu)</i>										
PO1-2	7	1	11	2	5	1	4	2	7	1
PO3	32	7	25	5	23	6	14	8	54	12
PO4	20	5	28	6	34	9	17	10	38	9
PO5		0	0	0		0	0	0	1	1
Khác							1	1	5	1
Tổng số	468	100	491	100	359	100	166	100	443	100

PHÂN LOẠI BỆNH LÝ

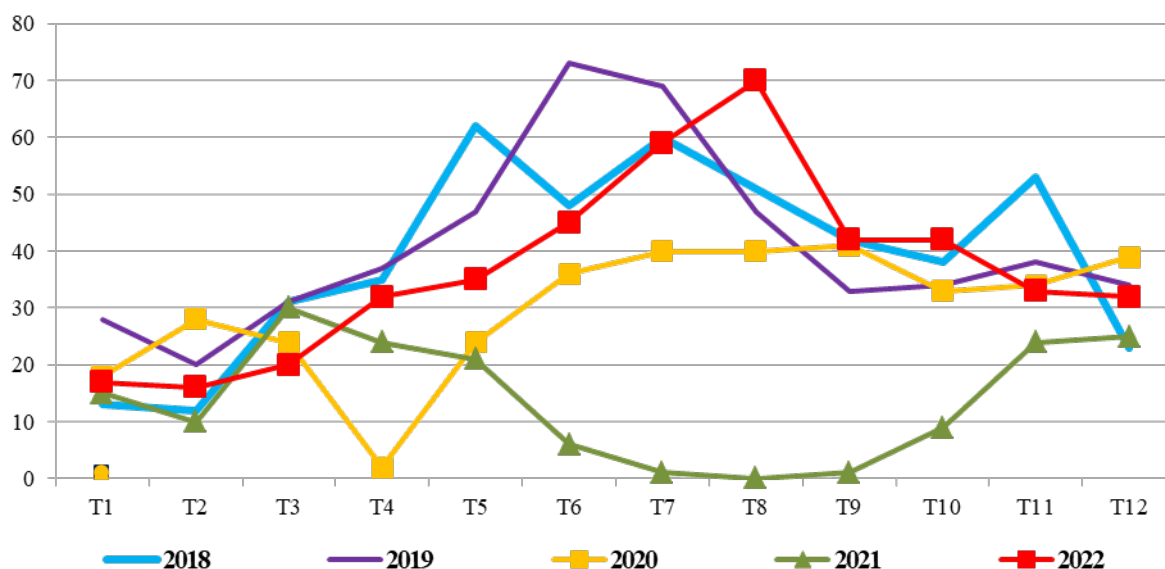
	2018		2019		2020		2021		2022	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Bẩm sinh	283	60	291	59	185	52	70	42	170	38
Van tim	103	22	117	24	95	26	51	31	154	35
Bắc cầu	61	13	63	13	65	18	37	22	107	24
Khác	12	3	9	2	8	2	3	2	11	2
Mạch máu	9	2	11	2	6	2	5	3	1	1
Tổng số	468	100	491	100	359	100	166	100	443	100

Năm 2022, chương trình khám sàng lọc bệnh tim bẩm sinh tại các tỉnh bắt đầu khởi động lại từ tháng 5 năm 2022. Tâm Đức đã mổ được 161 em tim bẩm sinh có tài trợ, chiếm 36,4% tổng số ca phẫu thuật năm 2022 (161/443), tổng số tiền giúp đỡ *đóng thay cho các em* của các tổ chức trong nước, ngoài nước và cá nhân tài trợ là 16.179.147.891 đồng

Hoạt động phẫu thuật hồi phục tốt, năm 2022 đã gấp 2,5 lần hoạt động phẫu thuật của năm 2021 (443/166).

Năm 2022, cơ cấu bệnh lý được mổ ở Tâm Đức có thay đổi do dịch Covid nên tim bẩm sinh của trẻ em cần hỗ trợ chi phí phẫu thuật về chưa nhiều. Các bệnh về van tim, mạch vành vì nhiều lý do về Tâm Đức nhiều hơn các năm trước.

Biểu đồ 03: Số ca phẫu thuật hàng tháng từ 2018 đến 2022





Phẫu thuật tim hở tại TÂM ĐỨC





Lãnh đạo các sở LĐTB&XH&Hội BTBNN 37 tỉnh cùng giúp đỡ đóng thay chi phí cho trẻ em nghèo mắc bệnh tim được mổ tim tại TÂM ĐỨC



Đồng hành cùng TÂM ĐỨC giúp đỡ trẻ em nghèo mổ tim
Children Action và VinaCapital



Đo vận tốc sóng mạch



Chụp MSCT



Các trẻ em nghèo sau mô tim bẩm sinh ở TÂM ĐỨC

2.6. CẬN LÂM SÀNG.

	2018	2019	2020	2021	2022
Xét nghiệm	707.601	761.570	671.022	490.125	837.391
X-Quang	22.016	23.215	20.517	14.990	27.805
ECG	29.574	37.380	33.119	23.360	46.954
ECG Gắng sức	4.686	4.688	3.766	2.418	4.727
Siêu âm tim	34.501	36.270	35.208	24.762	48.329
Siêu âm bụng	6.240	7.769	7.137	5.054	12.870
Siêu âm tim thai	307	241	219	267	134
Siêu âm mạch máu	11.736	12.151	10.472	7.573	18.444
Siêu âm Dobutamine	1.788	1.525	884	301	436
Siêu âm thực quản	261	309	201	95	217
Holter ECG	2.293	2.479	2.185	1.640	2.785
Holter HA	370	458	439	408	573
Đo nhân áp	1.735	2.257	1.090	289	443
KT máy tạo nhịp	638	831	786	666	1.014
Tilt test	116	132	103	86	115
Đo INR	1.271	1.201	672	445	476
Chụp võng mạc	1.006	985	609	231	-
Kích thích nhĩ	119	11	2	2	-
Siêu âm tuyến vú	358	327	535	396	830
Siêu âm tuyến giáp	1.032	1.262	1.175	1.081	3.479
Đo phê dung ký	2	21	5	4	-
Đo vận tốc sóng mạch	2.080	2.027	2.510	2.330	7.005
Nội soi tai mũi họng	198	48	48	13	-
Chụp CT	3.061	3.704	4.145	2.715	5.159
Vaxigrip	-	-	-	-	-
Mật độ xương	372	745	421	91	-
Nội soi tiêu hóa	78	918	792	209	-
Tổng cộng	832.989	902.524	798.062	579.551	1.019.186

Hoạt động cận lâm sàng năm 2022 tăng gần gấp đôi so với năm 2021 (1.019.186/579.551)

3. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

3.1 Kế hoạch 2022:

Tổng doanh thu : 550 tỷ đồng.
 Lợi nhuận trước thuế : 55 tỷ đồng.
 Lợi nhuận sau thuế : 49 tỷ đồng.
 Cổ tức : 26%/mệnh giá.

3.2 Kết quả

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2021	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	430.385.899.453	723.827.803.333
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	371.603.381	801.141.876
3. Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ [10=(01-02)]	10	430.014.296.072	723.026.661.457
4. Giá vốn hàng bán	11	364.118.839.028	548.865.696.735
5. Lợi nhuận gộp bán hàng, cung cấp dịch vụ [20=(10-11)]	20	65.895.457.044	174.160.964.722
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.337.483.318	2.418.820.523
7. Chi phí tài chính	22	88.454.883	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	11.140.533.995	14.683.915.917
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	44.579.449.456	60.063.673.583
10. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21-22-24-25)]	30	11.424.502.028	101.832.195.745
11. Thu nhập khác	31	2.451.393.568	2.623.751.319
12. Chi phí khác	32	1.300.407.460	504.604.467
13. Lợi nhuận khác [40 = (31 - 32)]	40	1.150.986.108	2.119.146.852
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50=(30+40)]	50	12.575.488.136	103.951.342.597
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.749.907.114	11.750.381.392
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp [60 = (50 - 51)]	60	10.825.581.022	92.200.961.205
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/cổ phiếu)	70	524	5.619
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đ/cổ phiếu)	71	524	5.619

Tổng Doanh thu **728.069.233.299đ** (Mã số 10+21+31) tăng 32,4% so với kế hoạch năm 2022.

Tổng chi phí **624.117.890.702đ** (Mã số 11 + 22 + 24 + 25 + 32) tăng 48,2% so với năm 2021 (624 tỷ/421 tỷ). Giá vốn hàng bán là 548.865.696.735đ (Mã số 11: bao gồm chi phí thuốc, vật tư y tế, lương bác sỹ, điều dưỡng...) là chi phí trực tiếp, là phần quan trọng nhất chiếm tỷ trọng 87,9% trong tổng chi phí.

Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ Tổng doanh thu năm 2022 là 14,28%. Tỷ lệ này đạt cao so với các năm trước là do doanh thu tăng cao. Định phí không thay đổi nhiều mà doanh thu càng tăng cao thì tỷ lệ lợi nhuận càng tăng. Bên cạnh đó tỷ lệ doanh thu khu Vip/ Tổng doanh thu tăng cũng là yếu tố góp phần làm tăng tỷ lệ lợi nhuận.

Từ tháng 05 năm 2021 Tâm Đức bắt đầu chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19 nên kết quả năm 2021 thấp. Năm 2022, tình hình hoạt động hồi phục và tăng trưởng. Kết quả hoạt động năm 2022 đạt cao hơn năm 2019 là năm đạt kết quả cao nhất trong suốt quá trình hoạt động.

3.3 Cân đối kế toán Tài sản & Vốn

Đơn vị: đồng

TÀI SẢN			
	31.12.2021	31.12.2022	(%)
A. Tài sản ngắn hạn	95.080.430.856	175.768.481.674	85%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	29.245.312.960	68.447.150.533	134%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.821.757.830	46.503.397.540	194%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	14.807.762.402	20.045.660.543	35%
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.018.320.892	4.514.476.077	12%
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	597.088.012	2.332.996.760	291%
6. Phải thu ngắn hạn khác	11.328.389.362	14.463.749.321	28%
IV. Hàng tồn kho	33.675.852.172	38.441.900.431	14%
V. Tài sản ngắn hạn khác	1.529.745.492	2.330.372.627	52%
B. Tài sản dài hạn	172.495.446.763	164.528.765.071	(5%)
II. Tài sản cố định	165.129.262.478	155.447.095.167	(6%)
1. Tài sản cố định hữu hình	159.691.771.396	150.276.300.809	(6%)
- Nguyên giá	361.869.468.794	368.122.707.074	2%
- Giá trị hao mòn lũy kế	(202.177.697.398)	(217.846.406.265)	8%
3. Tài sản cố định vô hình	5.437.491.082	5.170.794.358	(5%)
- Nguyên giá	8.767.952.472	8.767.952.472	
- Giá trị hao mòn lũy kế	(3.330.461.390)	(3.597.158.114)	8%
VI. Tài sản dài hạn khác	5.477.339.745	9.059.425.364	65%
Tổng Tài sản (A+B)	267.575.877.619	340.297.246.745	27%
NGUỒN VỐN			
	31.12.2021	31.12.2022	(%)
C. Nợ phải trả	49.786.665.018	66.226.032.609	33%
I. Nợ ngắn hạn	49.786.665.018	66.226.032.609	33%
D. Vốn chủ sở hữu	217.789.212.601	274.071.214.136	26%
I. Vốn chủ sở hữu	217.789.212.601	274.071.214.136	26%
1. Vốn góp của chủ sở hữu	155.520.000.000	155.520.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	1.407.488.000	1.407.488.000	
8. Quỹ đầu tư phát triển	16.603.467.737	16.603.467.737	
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	603.561.923	2.244.888.857	272%
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	43.654.694.941	98.295.369.542	125%
Tổng Nguồn vốn (C+D)	267.575.877.619	340.297.246.745	27%
Tồn quỹ			
	31.12.2021	31.12.2022	
Tiền mặt tại quỹ	319.243.045	369.589.882	
Tiền tại Ngân hàng	44.747.827.745	114.580.958.191	
Tổng cộng	45.067.070.790	114.950.548.073	

Hoạt động tăng trưởng mạnh nên hầu hết các chỉ tiêu đều tăng so với thời điểm 31/12/2021.

Các chỉ tiêu: *Tiền và các khoản tương đương tiền, Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Phải thu ngắn hạn khác, Tài sản ngắn hạn khác, Hàng tồn kho, Tài sản dài hạn khác, Nợ ngắn hạn, Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối* đều tăng do hoạt động tăng.

Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 194%. Năm 2022 hoạt động tăng trưởng mạnh nên tiền thu từ hoạt động tăng cao, Tâm Đức đã tăng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn để tăng thêm lợi nhuận tài chính, lượng tiền tồn quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn chỉ giữ ở mức vừa đủ đáp ứng các khoản chi phát sinh trong kỳ.

Trả trước cho người bán ngắn hạn tăng 291% là khoản ứng trước cho nhà cung cấp, chiếm chủ yếu là tạm ứng mua trang thiết bị (máy siêu âm, xe ô tô cứu thương)

Phải thu ngắn hạn khác chủ yếu là khoản thu từ BHYT tăng do hoạt động tăng. Năm 2022 BHYT luôn cập kinh phí kịp thời.

Nợ ngắn hạn tăng 33%, trong đó có khoản tăng do trích trước tiền thưởng lương tháng 13 (chi trong T1/2023). Kết quả hoạt động năm 2022 tăng trưởng mạnh nên ban lãnh đạo đã quyết định tăng thưởng lương tháng 13 cho nhân viên.

Về Tồn kho, theo quy định của Bệnh viện, phù hợp với 1 Bệnh viện chuyên khoa kỹ thuật cao, sử dụng hầu hết y dụng cụ ngoại nhập như Tâm Đức, tồn kho phải đảm bảo 2 tháng sử dụng. Giá trị tồn kho của Tâm Đức vẫn luôn đảm bảo ở mức an toàn 2 tháng sử dụng.

Về Đầu tư tài sản, giá trị khấu hao từ ngày bắt đầu hoạt động 08.03.2006 đến 31.12.2022 là 232 tỷ. (Theo quy định những tài sản đã thanh lý và những tài sản không đủ tiêu chuẩn TSCĐ theo quy định năm 2013 sẽ ghi giảm khấu hao tương ứng, do đó số liệu khấu hao đến 31.12.2022 trên bảng Cân đối kế toán là 221 tỷ). Hiện Tâm Đức vẫn còn có các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với tổng giá trị là 93,1 tỷ do sử dụng và bảo trì tốt.

Trong suốt quá trình hoạt động từ 2006 đến nay, Tâm Đức đã luôn quan tâm việc đầu tư trang bị mới để kịp thời phục vụ bệnh nhân và đáp ứng nhu cầu phát triển của bệnh viện. Tâm Đức đã đầu tư mua sắm tài sản cố định qua các năm là 196 tỷ.

Năm 2022, Tâm Đức đã trang bị mới máy hấp tiệt trùng nhiệt độ cao, hệ thống bảo mòn xơ vữa, máy holter điện tim, máy đo huyết áp tự động, thay mới giường và nệm phòng bệnh, và một số máy móc thiết bị y khoa khác. Tâm Đức đã cải tạo sửa chữa mở rộng khu khám vip, khu cận lâm sàng khoa khám bệnh, nhà thuốc nhằm phục vụ tốt hơn cho người bệnh. Ngoài ra theo nghị quyết hội đồng quản trị số VI.15/NQ-HĐQT ngày 08.03.2022, về việc đầu tư mới còn quyết định trang bị 2 máy siêu âm tim cho phòng khám và phòng khám đặc biệt, do tình hình dịch covid 19 ảnh hưởng chuỗi cung ứng hàng hóa toàn cầu nên máy sẽ về trong năm 2023.

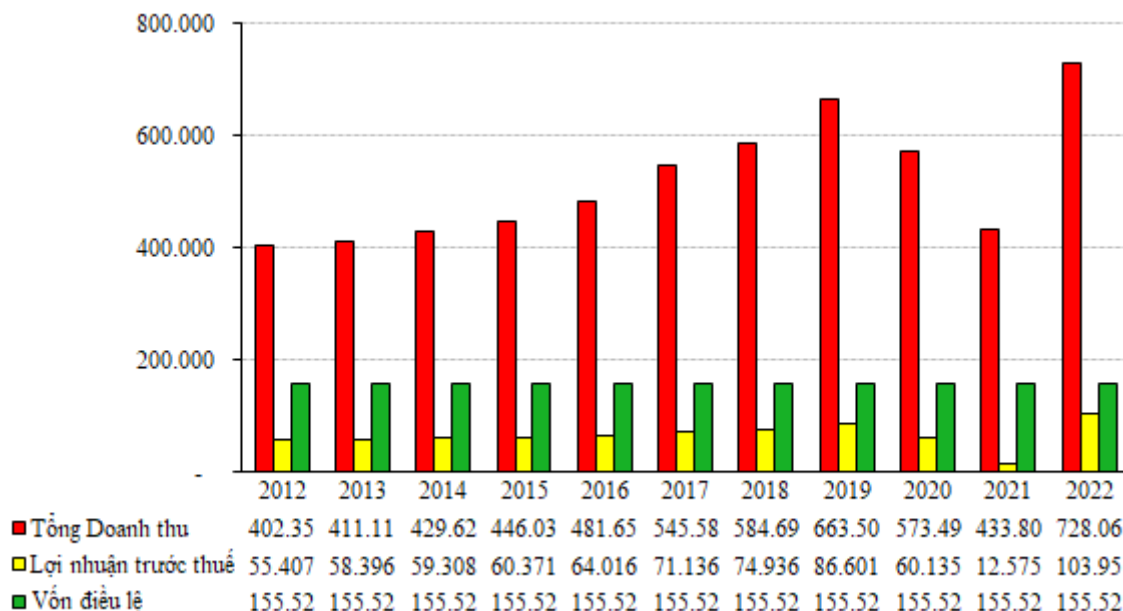
3.4 Sức khỏe tài chính

STT	CHỈ TIÊU	2017	2018	2019	2020	2021	2022
1	Cơ cấu tài sản (%)						
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	38,3%	37,8%	35,5%	41,1%	35,5%	51,7%
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	61,7%	62,2%	64,5%	58,9%	64,5%	48,3%
2	Cơ cấu nguồn vốn (%)						
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	22,2%	27,9%	25,2%	19,1%	18,6%	19,5%
	- Nợ phải trả/Nguồn vốn chủ sở hữu	28,5%	38,7%	33,7%	23,5%	22,9%	24,2%
3	Khả năng thanh toán (lần)						
	- Khả năng thanh toán nhanh	1,2	0,8	0,9	1,5	1,2	2,1
	- Khả năng thanh toán hiện hành	1,7	1,4	1,4	2,2	1,9	2,7
4	Tỷ suất lợi nhuận (%)						
	- Lợi nhuận trước thuế/Tổng doanh thu	13,0%	12,8%	13,1%	10,5%	2,9%	14,3%
	- Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	40,5%	42,8%	49,5%	34,3%	7,0%	59,3%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu thể hiện sức khỏe tài chính của Tâm Đức tốt và ổn định qua các năm. Sau năm 2021 bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19, năm 2022 hoạt động hồi phục và tăng trưởng mạnh nên sức khỏe tài chính tốt.

Biểu đồ tăng trưởng một số chỉ tiêu chủ yếu

Đơn vị: Triệu đồng



3.5 Nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

Đơn vị : đồng

	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Thuế VAT	636.128.662	914.576.616	1.336.362.317	1.015.999.675	1.286.691.749	1.075.467.714
Thuế TNDN	8.499.512.277	7.800.440.225	9.730.954.948	6.431.545.126	4.064.228.585	8.938.338.428
Thuế TNCN	7.712.391.940	9.704.952.840	10.641.332.462	9.241.322.565	7.159.581.770	13.874.181.501
Tổng cộng đã nộp vào NSNN	16.848.032.879	18.419.969.681	21.708.649.727	16.688.867.366	12.510.502.104	23.887.987.643

Tâm Đức thực hiện tốt nghĩa vụ thuế. Bộ Tài chính đã kiểm tra việc kê khai miễn giảm thuế TNDN năm 2010. Cục thuế Thành phố đã kiểm tra thuế GTGT, thuế TNDN từ 2002 đến 2006; Thanh tra thuế GTGT, thuế TNDN 2007, 2008, 2009; Kiểm tra thuế GTGT-TNDN 2011-2012. Năm 2010 Cục thuế Thành phố kiểm tra lại vào cuối năm 2013 kết quả tốt. Tháng 09.2018, Cục thuế Thành phố đã kiểm tra thuế GTGT, TNDN năm 2013 và 2014 kết quả tốt. Cục thuế đã báo kế hoạch kiểm tra nhiều lần nhưng do ảnh hưởng của dịch bệnh nên vẫn chưa thực hiện kiểm tra thuế các năm từ năm 2015 đến 2022. Tâm Đức đã được nhận bằng khen của Bộ tài chính, Tổng cục thuế và Cục thuế Tp.HCM về việc chấp hành tốt chính sách và pháp luật thuế các năm 2013, 2014, 2015, 2016.

3.6 Cổ phiếu, cổ tức

Vốn điều lệ 155,520 tỷ đồng, số cổ phiếu đang lưu hành là 15.552.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng.

Đại hội Cổ đông ngày 29.04.2016 đã quyết định chủ trương Công Ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức lên sàn giao dịch Upcom theo qui định.

Ngày 09.01.2017, Trung tâm lưu ký chứng khoán đã ban hành Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 11/2017/GCNCP-VSD cho Tâm Đức và quản lý Tâm Đức.

Sở Giao Dịch chứng khoán Hà nội đã chấp thuận cho Tâm Đức chính thức đăng ký giao dịch trên sàn Upcom qua quyết định số 65/QĐ-SGDHN do Tổng giám đốc SGDCCK Hà nội cấp ngày 23.01.2017. Ngày 06.02.2017 là ngày giao dịch đầu tiên, giá tham chiếu là 36.000đ/CP.

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2010 là 41.947.767.302 đồng. Mức cổ tức chi trả là 25%/mệnh giá.
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2011 là 47.391.718.003 đồng. Mức cổ tức chi trả là 26%/mệnh giá.
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2012 là 49.122.543.317 đồng. Mức cổ tức chi trả là 26%/mệnh giá.
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2013 là 51.662.557.368 đồng. Mức cổ tức chi trả là 26%/mệnh giá.
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2014 là 52.530.012.803 đồng. Mức cổ tức chi trả là 30%/mệnh giá.
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2015 là 53.483.207.623 đồng. Mức cổ tức chi trả là 30%/mệnh giá.
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016 là 56.804.368.801 đồng. Mức cổ tức chi trả là 30%/mệnh giá.
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017 là 63.032.416.458 đồng. Mức cổ tức chi trả là 33%/mệnh giá.
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 là 66.611.442.401 đồng. Mức cổ tức chi trả là 33%/mệnh giá.
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 là 76.980.790.410 đồng. Mức cổ tức chi trả là 33%/mệnh giá.
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020 là 53.288.538.025 đồng. Mức cổ tức chi trả là 28%/mệnh giá.
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 là 10.825.581.022 đồng. Mức cổ tức chi trả là 10%/mệnh giá, từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 và trích thêm từ lợi nhuận sau thuế của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 là 92.200.961.205 đồng. Mức cổ tức 2022 dự kiến chi trả theo nghị quyết ĐHCĐ 27.04.2022 là 26%/mệnh giá. Tâm Đức đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 10%/mệnh giá vào ngày 18.08.2022, tạm ứng cổ tức đợt 2 là 10%/mệnh giá vào ngày 12.01.2023. Mức cổ tức còn lại dự kiến là 10%/mệnh giá thay vì 6% nếu Đại hội cổ đông 28.04.2023 thông qua mức chi trả cổ tức năm 2022 là 30%, sẽ thực hiện trong tháng 5.2023.

4. QUẢN LÝ BỆNH VIỆN:

1. Tái cấu trúc bệnh viện để đạt hiệu quả cao hơn:

1.1. Tái cấu trúc:

Tâm Đức đã tái cấu trúc sắp xếp lại Khoa Nội tim mạch 3, khu Điều trị Đặc biệt, Phòng khám, mở rộng khu cận lâm sàng của phòng khám, mở rộng nhà thuốc ở phòng khám để đạt chất lượng chăm sóc điều trị và sự hài lòng của người bệnh cao hơn.

1.2. Khu Điều trị Đặc biệt:

Khu Hồi sức đặc biệt và Khu Khám điều trị đặc biệt dành cho những bệnh nhân có nhu cầu được chăm sóc và điều trị theo yêu cầu cao, bắt đầu hoạt động từ ngày 09.10.2018, đã có kết quả rất tích cực.

	Khu Điều trị Đặc biệt			Khu Hồi sức Đặc biệt	
	Bệnh nội trú	Tổng số ngày điều trị	Bệnh ngoại trú	Bệnh nội trú	Tổng số ngày điều trị
2018	58	276	361	67	457
2019	316	1434	4949	242	1884
2020	300	1429	9084	181	1691
2021	233	1217	9010	179	1300
2022	446	2224	19409	553	1248
Tổng	1353	6580	42813	1222	6580

Năm 2022, người bệnh ngoại trú ở Khu Khám Đặc biệt hơn gấp đôi cả năm 2021 (19.409/9.010). Người bệnh chọn khám ở Khu điều trị đặc biệt tăng cao, 50% đối với bệnh nhân mới và 20% đối với bệnh nhân tái khám. Kết quả này thể hiện sự hài lòng của người bệnh và góp phần tích cực về mặt tài chính.

2. Bảo trì:

An toàn cơ sở vật chất

Tâm Đức đi vào hoạt động 17 năm, do đó sẽ có tình trạng xuống cấp, đặc biệt là thấm dột, ngập nước. Từ 2019 đến nay, Tâm Đức đã chống thấm ¾ toà nhà bằng vật liệu chống thấm thế hệ mới, hiệu quả rất tốt.

An toàn về trang thiết bị kỹ thuật

Các máy móc kỹ thuật lớn của Tâm Đức bao gồm: hệ thống máy lạnh trung tâm; hệ thống khí y tế, máy phát điện dự phòng, thang máy và các thiết bị y khoa quan trọng được ký hợp đồng bảo trì với chính hãng và được bảo trì thường xuyên bởi lực lượng kỹ sư của Tâm Đức, kịp thời sửa chữa và thay thế các bộ phận bị hỏng, đảm bảo vận hành tốt.

An toàn điện: Tháng 1/2023, đã bảo dưỡng định kỳ 3 máy phát điện, hoạt động tốt, an toàn. Đã lắp thêm 60CB chống giật cho các máy nước nóng

An toàn gas: đã kiểm định lại toàn hệ thống, đạt yêu cầu an toàn đối với các thiết bị áp lực.

An toàn thang máy: 6 thang máy của Tâm Đức được bảo trì định kỳ, đạt yêu cầu.

An ninh-trật tự: Tâm Đức có đội bảo vệ nội bộ, đang dần hoàn thiện, Tình hình chung ổn định, không có sự cố mất trộm bên trong bệnh viện.

An toàn phòng cháy chữa cháy: Các qui định về an toàn cơ quan & Phòng cháy chữa cháy luôn được nghiêm chỉnh thực hiện Có 03 đợt kiểm tra định kỳ của Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy quận 7 vào ngày 20.1.2022, ngày 13.04.2022 và ngày 28.10.2022 đạt kết quả tốt.

Chi phí sử dụng điện và nước rất cao. Tâm Đức đã luôn chú ý thực hiện các giải pháp tiết kiệm điện và nước.

Năm 2022, lượng điện tiêu thụ tăng 13% so với năm 2021 (2.887.803 Kwh/ 2.549.382 Kwh). Lượng nước tiêu thụ tăng 18% so với 2021 (56.304 m³/ 47.628 m³)

3. Trang bị mới

Tâm Đức trong quá trình phát triển luôn chú ý trang bị mới phù hợp với khả năng tài chính.

Năm 2022 Tâm Đức đã đầu tư sửa chữa cơ sở và trang bị mới với tổng giá trị là 15,6 tỷ (chiếm 86% giá trị khấu hao của năm)

Tâm Đức đã trang bị 2 máy siêu âm tim Philips Mỹ hiệu Affinity 70; máy đo điện tim; máy hấp tiệt trùng dụng cụ 300 lít hai cửa của Belimex AG, Thụy Sĩ; hệ thống bào mòn xơ vữa Rota Pro của Boston Scientific Mỹ; 1 máy Xquang kỹ thuật số Jumong Mobile của SG Healthcare, Hàn quốc; 1 máy Xquang kỹ thuật số cố định Dura Diagnost F30, Philips; 1 xe cấp cứu Toyota Hiace.

4. Công nghệ thông tin:

Tâm Đức đang sử dụng phần mềm FPT từ 2017, liên tục cập nhật và phát triển các yêu cầu phát sinh về BHYT và Quản lý chất lượng nhưng kết quả chưa được như mong muốn. Năm 2023 Tâm Đức sẽ phải triển khai bệnh án điện tử. Trong thời gian tới nâng cao chất lượng công nghệ thông tin là rất cần thiết trong năm 2023.

5. Bảo Hiểm Y Tế

Năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Bệnh nhân BHYT	16.314	18.589	17.539	18.340	13.737	7.284	10.171
Trong đó							
- Ngoại trú	12.799	14.706	13.484	13.911	10.521	4.985	6.573
- Nội trú	3.515	3.883	4.055	4.429	3.216	2.299	3.598
Số tiền thanh toán (triệu đồng)	61.032	70.104	72.674	72.247	56.703	46.532	86.715

Tỉ lệ người bệnh ngoại trú có BHYT đạt 8,4% (6.573/77.417), thấp hơn nhiều so với trước 01.01.2015 (hơn 50%) do từ 01.01.2015 SYT-BHXXH qui định bệnh viện Tim Tâm Đức là BV Tư nhân, không được phép nhận BN BHYT trái tuyến.

Tỉ lệ người bệnh nội trú có BHYT là 80% (3.598/4.417)

BHYT rất quan trọng đến sự phát triển ổn định của Tâm Đức. Trong những năm gần đây, Tâm Đức đã phối hợp tốt với BHYT nên thâm định kết quả tốt, không bị xuất toán, chi trả kịp thời, quyền lợi của người bệnh được đảm bảo mức cao nhất.

Năm 2022, chi phí KCB BHYT hơn 86,7 tỷ, BHXH TP đã cấp kinh phí hơn 74 tỷ, 12 tỷ còn lại sẽ cấp sau thâm định quý IV.2022.

6. Quản lý chất lượng bệnh viện theo tiêu chí của Bộ Y tế:

Tâm Đức đã hoàn tất kiểm tra nội bộ các tiêu chí, đạt mức 4.35. Mục tiêu 2022 đạt từ trên 4.2 khi Sở Y tế kiểm tra. Ngày 31/3/2023, Sở Y tế sẽ kiểm tra Tâm Đức về QLCL năm 2022.

5. CỔ PHIẾU TÂM ĐỨC (TTD) GIAO DỊCH TRÊN HỆ THỐNG UPCOM:

Đại hội Cổ đông ngày 29.04.2016 đã quyết định chủ trương Công Ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức lên sàn giao dịch Upcom theo qui định của nhà nước.

Nghị quyết số V.12/NQ-HĐQT ngày 23.06.2016 của Hội Đồng Quản Trị quyết định ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Chứng Khoán Rồng Việt tư vấn những thủ tục cần thiết để Tâm Đức lên sàn giao dịch Upcom theo qui định.

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Rồng Việt đã được chọn là Công ty tư vấn cho Tâm Đức thực hiện các thủ tục cần thiết để lên sàn Upcom

Ngày 09.01.2017, Trung tâm lưu ký chứng khoán đã ban hành Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 11/2017/GCNCP-VSD cho Tâm Đức

Sở Giao Dịch chứng khoán Hà nội đã chấp thuận cho Tâm Đức chính thức đăng ký giao dịch trên sàn Upcom qua quyết định số 65/QĐ-SGDHN do Tổng giám đốc SGDCCK Hà nội cấp ngày 23/01/2017. Ngày giao dịch đầu tiên là 06.02.2017. Giá tham chiếu là 36.000 đồng/cổ phiếu. Tâm Đức đã gửi cho các cổ đông thư hướng dẫn thủ tục giao dịch trên sàn upcom ngày 23.01.2017. Thời điểm 25.02.2023, giá cổ phiếu của Tâm Đức trên sàn upcom 68.600 đồng một cổ phiếu nhưng hầu như rất ít giao dịch. Bình quân khối lượng cổ phiếu giao dịch mỗi năm ở mức 3,8% tổng số cổ phiếu (năm 2021 là 7%, năm 2022 là 3,7%), trong đó quan trọng là sự chuyển dịch cho người trong gia đình và giữa các cổ đông hiện hữu.

6. ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH TÂM ĐỨC 2023:

Về nhân sự: Tâm Đức đã hoạt động ổn định và phát triển 17 năm. Đội ngũ lãnh đạo và chuyên môn của Tâm Đức đã trưởng thành, nhưng cần tiếp tục thu dụng và đào tạo sau đại học ở những vị trí kỹ thuật xung yếu như hồi sức cấp cứu, gây mê hồi sức, phẫu thuật, thông tim và điện sinh lý tim và chuẩn bị lực lượng lãnh đạo kế thừa.

Về chuyên môn: Năm 2023, Khám bệnh, cấp cứu và điều trị nội trú tương đương 2022. Phẫu thuật tim phải đạt trên 400, thông tim can thiệp và điện sinh lý tim phải đạt trên 2.000.

Về tài chính:

Tổng doanh thu	680 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế	82 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	74 tỷ đồng
Cổ tức	30%/mệnh giá

Đại Hội Cổ Đông 2023:

Đại Hội Cổ Đông 2023 sẽ được tổ chức vào ngày 28.04.2023 lúc 8 giờ tại Hội trường Hữu nghị Bệnh Viện Tim Tâm Đức

Ngày đăng ký cuối cùng: 27.03.2023

Ngày gửi thông báo triệu tập Đại Hội Cổ Đông và tài liệu họp: 03.04.2023

Nội dung trình Đại Hội Cổ Đông 2023 thông qua:

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động 2022,
2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát 2022
3. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022. Mức chi trả cổ tức 2022 trình Đại hội Cổ đông thông qua là 30% thay vì 26% như Đại hội Cổ đông 2022 ngày 28.04.2022 đã quyết định.
4. Thông qua đề xuất ủy quyền Hội Đồng Quản Trị chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ 2023
5. Thông qua Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2023
6. Thông qua Kế hoạch trích quỹ 2023
7. Thông qua Kế hoạch chi trả cổ tức 2023
8. Bầu thành viên Ban Kiểm Soát thay thế BS Nguyễn Nhị Phương đã xin miễn nhiệm ngày 10/01/2023.
9. Thông qua kế hoạch trang bị máy chụp Xquang cắt lớp (MSCT) thứ 2 có giá ở mức trên dưới 20 tỷ có cấu hình phù hợp với yêu cầu chuyên môn, phương thức do Hội Đồng Quản Trị quyết định.
10. Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ

7. KẾT LUẬN:

Năm 2022, Tâm Đức bắt đầu hồi phục tất cả các hoạt động khám bệnh, đặc biệt là khu Khám Điều trị Đặc biệt, điều trị nội trú, cấp cứu hồi sức, mổ tim, thông tim và điện sinh lý tim. Vì vậy, kết quả cả năm 2022, doanh thu và lợi nhuận vượt xa so với kế hoạch trong giai đoạn có dịch bệnh.

Sau những biến động quan trọng về nhân sự và ảnh hưởng nặng nề của Covid 19, Tâm Đức vẫn hồi phục và phát triển là nhờ trình độ kỹ thuật, sự đồng lòng của tập thể nhân viên Tâm Đức và sự tin tưởng của cộng đồng. Như thế, Tâm Đức sẽ còn phát triển bền vững hơn nữa.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2023

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TS. BS. NGUYỄN NGỌC CHIỀU



Nhà hàng Mimosa
Khoa Dinh dưỡng TÂM ĐỨC



Trên đỉnh TÂM ĐỨC
Vận chuyển cấp cứu tim mạch bằng trực thăng
Hy vọng ở mai sau

PHỤ LỤC I

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ 2022
ĐÃ KIỂM TOÁN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC



MỤC LỤC

-----oOo-----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 34

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Hội đồng Quản trị trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

1. Thông tin chung về công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4103001109 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/7/2002. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 (bảy) ngày 06/10/2007 tăng vốn điều lệ của Công ty là 129.600.000.000 VND, thay đổi lần thứ 8 (tám) ngày 24/6/2010. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 (chín) ngày 21/02/2011 tăng vốn điều lệ của Công ty là 155.520.000.000 VND, thay đổi lần thứ 10 (mười) ngày 13/05/2011, thay đổi lần thứ 12 (mười hai) ngày 18/6/2012, thay đổi lần thứ 14 (mười bốn) ngày 25/06/2015. Ngày 07/01/2013, Bộ trưởng Bộ Y tế đã cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 23/BYT-GPHĐ cho BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần đại chúng lớn.

Hoạt động chính của Công ty:

Dịch vụ khám, chữa bệnh: bệnh viện; Bán thuốc.

Tên tiếng Anh: TAM DUC CARDIOLOGY HOSPITAL JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: TAM DUC CO.

Mã chứng khoán niêm yết: TTD (UPCOM).

Trụ sở chính: Số 04 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ts.Bs.	Nguyễn Ngọc Chiêu	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ts.Bs.	Chu Trọng Hiệp	Thành viên
Ths.	Phạm Anh Dũng	Thành viên
BS.CKI	Phạm Bích Xuân	Thành viên
DS.CKII	Thân Thị Thu Vân	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 17/01/2022)
Ths.Bs.	Phan Kim Phương	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 28/04/2022)

Ban Kiểm soát

CN.	Vương Thị Quỳnh Anh	Trưởng ban
Bà	Bùi Thúy Kiều	Thành viên
Bs.	Nguyễn Nhị Phương	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 10/01/2023)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bs.CKI	Đỗ Văn Bửu Đan	Tổng Giám Đốc
Ts.Bs.	Tôn Thất Minh	Giám đốc Bệnh viện
Ts.Bs.	Chu Trọng Hiệp	Giám Đốc Ngoại tim mạch
Bs.CKI	Phạm Bích Xuân	Giám đốc Đối ngoại

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ts.Bs.	Đinh Đức Huy	Giám đốc Nội tim mạch
PGs.Ts.Bs.	Nguyễn Thị Bích Đào	Phó Giám đốc Nội tiết
Ths.Bs.	Nguyễn Huỳnh Khương	Phó Giám đốc Thông tin can thiệp và Bệnh lý mạch máu
Bs.CKII	Lý Huy Khanh	Phó Giám đốc Kế hoạch Tổng hợp
Ths.Bs.	Ngô Thị Kim Ánh	Phó Giám đốc Khám bệnh & Điều trị Ngoại trú
Bs.CKII	Thái Minh Thiện	Phó Giám đốc Cấp cứu & Hồi sức Nội Tim Mạch
CN.	Nguyễn Ngọc An Khôi	Phó Giám đốc Quản lý chất lượng
CN.	Trương Thị Mai Lan	Phó Giám đốc Hành chính
CN.	Trần Thị Thanh Nhân	Phó Giám đốc Quản trị - Tổ chức nhân sự
Ths.	Phan Thị Thanh Nga	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính như sau:

Ts.Bs. Nguyễn Ngọc Chiêu Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ts. Bs. Nguyễn Ngọc Chiêu đã ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy ủy quyền ngày 08 tháng 6 năm 2021.

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC ("Moore AISC") được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các số sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ts.Bs. Nguyễn Ngọc Chiêu

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023



MOORE AISC

**MOORE AISC Auditing and Informatics
Services Company Limited**

389A Dien Bien Phu Street, Ward 4
District 3, Ho Chi Minh City
Viet Nam

T (8428) 3832 9129
F (8428) 3834 2957
E info@aisc.com.vn

www.aisc.com.vn

Số: B0622384-R/MOORE AISC-DN2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



[Signature]
Dương Thị Phương Anh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số : 0321-2023-005-1
Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 10 tháng 03 năm 2023

[Signature]

Nguyễn Như Yến
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số : 5444-2020-005-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		175.768.481.674	95.080.430.856
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	68.447.150.533	29.245.312.960
1. Tiền	111		37.693.928.687	24.082.078.472
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.753.221.846	5.163.234.488
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		46.503.397.540	15.821.757.830
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	46.503.397.540	15.821.757.830
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.045.660.543	14.807.762.402
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	4.514.476.077	4.018.320.892
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.332.996.760	597.088.012
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	14.463.749.321	11.328.389.362
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	(1.265.561.615)	(1.136.035.864)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	38.441.900.431	33.675.852.172
1. Hàng tồn kho	141		38.441.900.431	33.675.852.172
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.330.372.627	1.529.745.492
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	2.330.372.627	860.596.767
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13b	-	669.148.725
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		164.528.765.071	172.495.446.763
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.244.540	22.244.540
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	22.244.540	22.244.540
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		155.447.095.167	165.129.262.478
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	150.276.300.809	159.691.771.396
- Nguyên giá	222		368.122.707.074	361.869.468.794
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(217.846.406.265)	(202.177.697.398)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	5.170.794.358	5.437.491.082
- Nguyên giá	228		8.767.952.472	8.767.952.472
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.597.158.114)	(3.330.461.390)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.866.600.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	-	1.866.600.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.059.425.364	5.477.339.745
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	9.059.425.364	5.477.339.745
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		340.297.246.745	267.575.877.619

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		66.226.032.609	49.786.665.018
I. Nợ ngắn hạn	310		66.226.032.609	49.786.665.018
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	40.894.349.791	32.341.403.517
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	3.019.267.072	3.617.900.215
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	3.524.984.609	685.249.393
4. Phải trả người lao động	314		9.839.856.391	6.621.208.930
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	4.168.441.845	3.122.694.981
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	3.414.661.126	3.297.536.207
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.364.471.775	100.671.775
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		274.071.214.136	217.789.212.601
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	274.071.214.136	217.789.212.601
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		155.520.000.000	155.520.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		155.520.000.000	155.520.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.407.488.000	1.407.488.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.603.467.737	16.603.467.737
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.244.888.857	603.561.923
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		98.295.369.542	43.654.694.941
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		27.284.168.941	35.507.467.158
- LNST chưa phân phối năm này	421b		71.011.200.601	8.147.227.783
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		340.297.246.745	267.575.877.619



Ths. Phan Thị Thanh Nga
Người lập biểu - Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 10 tháng 03 năm 2023



Bs. CKI. Đỗ Văn Bửu Đan
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	723.827.803.333	430.385.899.453
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	801.141.876	371.603.381
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	723.026.661.457	430.014.296.072
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	548.865.696.735	364.118.839.028
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		174.160.964.722	65.895.457.044
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	2.418.820.523	1.337.483.318
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	-	88.454.883
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	14.683.915.917	11.140.533.995
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	60.063.673.583	44.579.449.456
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		101.832.195.745	11.424.502.028
11. Thu nhập khác	31	VI.8	2.623.751.319	2.451.393.568
12. Chi phí khác	32	VI.9	504.604.467	1.300.407.460
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		2.119.146.852	1.150.986.108
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		103.951.342.597	12.575.488.136
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	11.750.381.392	1.749.907.114
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		92.200.961.205	10.825.581.022
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	5.619	524
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	5.619	524



Ths. Phan Thị Thanh Nga
Người lập biểu - Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 10 tháng 03 năm 2023



Bs. CKI. Đỗ Văn Bửu Đan
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		103.951.342.597	12.575.488.136
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8-9	18.010.990.311	17.743.598.328
- Các khoản dự phòng	03		129.525.751	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(56.386.203)	88.454.883
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.515.323.209)	(1.301.823.879)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		119.520.149.247	29.105.717.468
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(4.698.275.167)	6.517.026.325
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(4.766.048.259)	5.383.887.707
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		15.610.817.758	(5.255.601.479)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(5.051.861.479)	3.494.921.799
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.938.338.428)	(4.064.228.585)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		314.887.089	90.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.914.107.670)	(3.510.345.957)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		110.077.223.091	31.761.377.278
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(10.262.500.020)	(14.846.465.783)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		152.888.889	5.100.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(30.681.639.710)	(689.620.844)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.362.434.320	1.152.406.310
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(38.428.816.521)	(14.378.580.317)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(32.502.955.200)	(36.242.293.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(32.502.955.200)	(36.242.293.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		39.145.451.370	(18.859.496.839)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		29.245.312.960	48.193.264.682
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		56.386.203	(88.454.883)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	68.447.150.533	29.245.312.960



Ths. Phan Thị Thanh Nga
Người lập biểu - Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 10 tháng 03 năm 2023



Bs. CKI Đỗ Văn Bửu Đan
Tổng Giám Đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4103001109 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/7/2002. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 (bảy) ngày 06/10/2007 tăng vốn điều lệ của Công ty là 129.600.000.000 VND, thay đổi lần thứ 8 (tám) ngày 24/6/2010. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 (chín) ngày 21/02/2011 tăng vốn điều lệ của Công ty là 155.520.000.000 VND, thay đổi lần thứ 10 (mười) ngày 13/05/2011, thay đổi lần thứ 12 (mười hai) ngày 18/6/2012, thay đổi lần thứ 14 (mười bốn) ngày 25/06/2015. Ngày 07/01/2013, Bộ trưởng Bộ Y tế đã cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 23/BYT-GPHĐ cho BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC.

Tên tiếng Anh: TAM DUC CARDIOLOGY HOSPITAL JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: TAM DUC CO.

Mã chứng khoán niêm yết: TTD (UPCOM)

Trụ sở chính: Số 04 Khu phố 1, Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại chúng lớn.

3. Hoạt động chính của Công ty

Dịch vụ khám, chữa bệnh: bệnh viện; Bán thuốc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có.**6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2022:** 546 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: 504 nhân viên).**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2022: 23.410 VND/USD; 24.718 VND/EUR.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và ghi giảm giá trị đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước (FIFO).

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình (tiếp theo)*Tài sản cố định hữu hình mua được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế*

Trường hợp mua TSCĐ được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì phải xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý. Nguyên giá TSCĐ được mua là tổng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>30 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>12 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>6 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>5 năm</i>
<i>Quyền sử dụng đất (bắt đầu khấu hao từ năm 2011) (*)</i>	<i>42 năm</i>
<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>2-10 năm</i>

(*) *Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.*

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng đến 36 tháng. Riêng tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí điện nước, xét nghiệm... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận, biên bản đối chiếu cụ thể.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tồ thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tồ sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

Thu nhập chịu thuế từ Dịch vụ khám chữa bệnh được hưởng thuế suất ưu đãi là 10% trong suốt thời gian hoạt động, các khoản thu nhập ngoài dịch vụ khám chữa bệnh vẫn áp dụng mức thuế suất thông thường là 20%.

Công ty được thanh tra kiểm tra quyết toán thuế đến năm 2014.

14. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi, Quỹ từ thiện, Quỹ nhân đạo, Quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

15. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2022	01/01/2022
Tiền	37.693.928.687	24.082.078.472
Tiền mặt	369.589.882	319.243.045
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.324.338.805	23.762.835.427
Các khoản tương đương tiền	30.753.221.846	5.163.234.488
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	30.753.221.846	5.163.234.488
Cộng	68.447.150.533	29.245.312.960

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (6 - 12 tháng)	46.503.397.540	46.503.397.540	15.821.757.830	15.821.757.830
Cộng	46.503.397.540	46.503.397.540	15.821.757.830	15.821.757.830

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	4.514.476.077	(1.265.561.615)	4.018.320.892	(1.136.035.864)
Khách hàng trong nước	4.514.476.077	(1.265.561.615)	4.018.320.892	(1.136.035.864)
Hội bảo trợ Bệnh nhân nghèo TP.HCM	1.189.291.840	-	549.162.848	-
Tổ chức Vinacapital	103.778.322	-	319.209.696	-
Khách hàng trong nước khác	3.221.405.915	(1.265.561.615)	3.149.948.348	(1.136.035.864)
Cộng	4.514.476.077	(1.265.561.615)	4.018.320.892	(1.136.035.864)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trả trước cho người bán	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	2.332.996.760	-	597.088.012	-
Nhà cung cấp trong nước	2.332.996.760	-	597.088.012	-
Cty TNHH Y Tế Hòa Hào	200.000.000	-	200.000.000	-
Công Ty TNHH Ô Tô Cứu Thương Huỳnh Gia	644.000.000	-	-	-
Cty TNHH C.P.V	1.001.306.800	-	-	-
Cty TNHH MTV May Sài Gòn Gia Định	-	-	182.282.100	-
Nhà cung cấp trong nước khác	487.689.960	-	214.805.912	-
Cộng	2.332.996.760	-	597.088.012	-

5. Phải thu khác	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	14.463.749.321	-	11.328.389.362	-
Phải thu người lao động	255.625.020	-	621.214.014	-
Ký cược, ký quỹ	243.965.000	-	243.965.000	-
Các khoản chi hộ (BHYT)	12.277.236.463	-	8.707.132.366	-
Phải thu khác	1.686.922.838	-	1.756.077.982	-
b. Dài hạn	22.244.540	-	22.244.540	-
Ký cược, ký quỹ	22.244.540	-	22.244.540	-
Cộng	14.485.993.861	-	11.350.633.902	-

6. Hàng tồn kho	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	26.026.188.727	-	23.716.235.156	-
Công cụ, dụng cụ	1.308.907.542	-	1.108.060.143	-
Hàng hoá	11.106.804.162	-	8.851.556.873	-
Cộng	38.441.900.431	-	33.675.852.172	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: không có.

7. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Xây dựng cơ bản dở dang				
Hợp đồng lắp đặt thang máy Schindler khu B	-	-	1.866.600.000	-
Cộng	-	-	1.866.600.000	-

8. Tài sản cố định hữu hình (Xem trang 32).

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6.970.212.772	1.797.739.700	8.767.952.472
Số dư cuối năm	6.970.212.772	1.797.739.700	8.767.952.472
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.825.531.884	1.504.929.506	3.330.461.390
<i>Khấu hao trong năm</i>	165.957.444	100.739.280	266.696.724
Số dư cuối năm	1.991.489.328	1.605.668.786	3.597.158.114
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	5.144.680.888	292.810.194	5.437.491.082
Số dư cuối năm	4.978.723.444	192.070.914	5.170.794.358

* Giá trị còn lại của Tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có.

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 919.359.700 VND.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định vô hình: không có.

* Thuyết minh số liệu và các giải trình khác: không có.

10. Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	2.330.372.627	860.596.767
Các khoản khác (chi phí bảo trì phần mềm, bảo hiểm)	2.330.372.627	860.596.767
b. Chi phí trả trước dài hạn	9.059.425.364	5.477.339.745
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.554.470.170	1.568.541.555
Các khoản khác	5.504.955.194	3.908.798.190
Cộng	11.389.797.991	6.337.936.512

11. Phải trả người bán

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	40.894.349.791	40.894.349.791	32.341.403.517	32.341.403.517
Nhà cung cấp trong nước	40.894.349.791	40.894.349.791	32.341.403.517	32.341.403.517
<i>Cty TNHH TBYT Khải Vinh</i>	4.941.009.993	4.941.009.993	496.800.000	496.800.000
<i>Cty TNHH TM Tâm Hợp</i>	152.718.000	152.718.000	3.616.224.467	3.616.224.467
<i>Cty TNHH MTV Dược Phẩm Triều Giang</i>	5.133.960.661	5.133.960.661	2.575.790.701	2.575.790.701
<i>Cty CP Dược Liệu TWII (Phytopharma)</i>	4.814.944.336	4.814.944.336	5.899.928.345	5.899.928.345
Nhà cung cấp trong nước khác	25.851.716.801	25.851.716.801	19.752.660.004	19.752.660.004
Cộng	40.894.349.791	40.894.349.791	32.341.403.517	32.341.403.517

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Người mua trả tiền trước			31/12/2022	01/01/2022
Ngắn hạn			3.019.267.072	3.617.900.215
Khách hàng trong nước			3.019.267.072	3.617.900.215
Thu tạm ứng bệnh nhân			749.301.701	1.257.821.315
Khách hàng trong nước khác			2.269.965.371	2.360.078.900
Cộng			3.019.267.072	3.617.900.215
13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
a. Phải nộp	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2022
Thuế giá trị gia tăng	23.876.268	1.319.411.446	1.075.467.714	267.820.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	11.081.232.667	8.938.338.428	2.142.894.239
Thuế thu nhập cá nhân	661.373.125	14.327.078.746	13.874.181.501	1.114.270.370
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	685.249.393	26.730.722.859	23.890.987.643	3.524.984.609
b. Phải thu	01/01/2022	Số nộp thừa trong năm	Số đã cần trừ trong năm	31/12/2022
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	669.148.725	-	669.148.725	-
Cộng	669.148.725	-	669.148.725	-
14. Chi phí phải trả			31/12/2022	01/01/2022
Ngắn hạn			4.168.441.845	3.122.694.981
Chi phí xử lý rác y tế, rác sinh hoạt			301.172.544	1.559.920.238
Chi phí phải trả (tiền điện, nước, xét nghiệm, bảo trì máy chuyên dùng, hàng hóa đã nhận chưa xuất hóa đơn...)			3.867.269.301	1.562.774.743
Cộng			4.168.441.845	3.122.694.981
15. Phải trả khác			31/12/2022	01/01/2022
Ngắn hạn			3.414.661.126	3.297.536.207
Quỹ hỗ trợ bệnh nhân của tổ chức và cá nhân			1.174.321.455	1.219.904.629
Tiền tài trợ các hợp đồng nghiên cứu, hội thảo			2.183.587.622	1.823.117.359
Các khoản phải trả, phải nộp khác			56.752.049	254.514.219
Cộng			3.414.661.126	3.297.536.207
16. Vốn chủ sở hữu				
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (Xem trang 33).				
b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu			31/12/2022	01/01/2022
	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp
Bà Nguyễn Thị Hạnh	15.552.000.000	10%	15.552.000.000	10%
Công ty CP Đầu Tư An Việt Hưng	16.662.260.000	11%	14.745.600.000	9%
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	123.305.740.000	79%	125.222.400.000	81%
Cộng	155.520.000.000	100%	155.520.000.000	100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu****và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2022	Năm 2021
Vốn góp của chủ sở hữu	155.520.000.000	155.520.000.000
<i>Vốn góp đầu năm</i>	155.520.000.000	155.520.000.000
<i>Vốn góp cuối năm</i>	155.520.000.000	155.520.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	32.741.052.000	36.015.157.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.552.000	15.552.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.552.000	15.552.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.552.000	15.552.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.552.000	15.552.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.552.000	15.552.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.</i>	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2022	01/01/2022
Quỹ đầu tư phát triển	16.603.467.737	16.603.467.737
Quỹ khác thuộc nguồn vốn hữu sở hữu	2.244.888.857	603.561.923
Cộng	18.848.356.594	17.207.029.660

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

*Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.***17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****a. Tài sản nhận giữ hộ:**

	Đơn vị tính	Số lượng	
		31/12/2022	01/01/2022
Vật tư ký gửi			
<i>Amplatez/Coil</i>	<i>Cái</i>	53	0
<i>Amplatez/Coil</i>	<i>Bộ</i>	2	0
<i>Anneaux</i>	<i>Cái</i>	0	39
<i>Ballon</i>	<i>Cái</i>	358	381
<i>Ballon</i>	<i>Bộ</i>	6	0
<i>Dụng Cụ Điện Sinh Lý</i>	<i>Cái</i>	50	26
<i>Dụng Cụ Điện Sinh Lý</i>	<i>Bộ</i>	2	1
<i>Pacemaker</i>	<i>Cái</i>	0	3
<i>Stent</i>	<i>Cái</i>	319	245
<i>Valve</i>	<i>Cái</i>	60	41
<i>Y Dụng Cụ</i>	<i>Bộ</i>	4	0
<i>Y Dụng Cụ</i>	<i>Cái</i>	15	28
Cộng		869	764

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

b. Ngoại tệ các loại	31/12/2022		01/01/2022	
	Nguyên tệ	Giá trị (VND)	Nguyên tệ	Giá trị (VND)
USD	\$ 94.896,59	2.221.529.172	\$ 81.809,79	1.852.173.646
EUR	€ 22.553,69	557.492.484	€ 22.564,61	572.945.008
Cộng		2.779.021.656		2.425.118.654

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu khám, chữa bệnh	563.442.629.518	318.519.955.722
Doanh thu bán thuốc	155.705.909.670	105.970.163.554
Doanh thu khác	4.679.264.145	5.895.780.177
Cộng	723.827.803.333	430.385.899.453
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2022	Năm 2021
Hàng bán bị trả lại	801.141.876	371.603.381
Cộng	801.141.876	371.603.381
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu khám, chữa bệnh	563.442.629.518	318.519.955.722
Doanh thu bán thuốc	154.904.767.794	105.598.560.173
Doanh thu khác	4.679.264.145	5.895.780.177
Cộng	723.026.661.457	430.014.296.072
4. Giá vốn hàng bán	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn dịch vụ khám chữa bệnh	400.730.270.991	258.360.118.907
Giá vốn bán thuốc	135.393.625.098	92.686.815.000
Giá vốn khác	12.741.800.646	13.071.905.121
Cộng	548.865.696.735	364.118.839.028
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi	2.362.434.320	1.337.483.318
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	56.386.203	-
Cộng	2.418.820.523	1.337.483.318
6. Chi phí tài chính	Năm 2022	Năm 2021
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	88.454.883
Cộng	-	88.454.883

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2022	Năm 2021
7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	6.559.219.003	4.533.403.315
Chi phí vật liệu, bao bì	1.207.392.532	1.008.007.254
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	119.083.424	104.310.723
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.552.081	3.920.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.397.178.852	5.330.037.655
Chi phí bằng tiền khác	1.398.490.025	160.855.048
Cộng	14.683.915.917	11.140.533.995
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	34.958.410.376	22.118.596.843
Chi phí vật liệu, bao bì	862.981.319	551.547.672
Chi phí đồ dùng văn phòng	882.568.707	1.325.775.123
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.076.117.153	5.765.545.640
Thuế, phí, lệ phí	1.919.910.000	1.346.837.000
Dự phòng phải thu khó đòi	129.525.751	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.144.333.930	10.314.609.196
Chi phí bằng tiền khác	5.089.826.347	3.156.537.982
Cộng	60.063.673.583	44.579.449.456
8. Thu nhập khác	Năm 2022	Năm 2021
Xử lý vật tư thừa sau kiểm kê	104.622.785	50.920.603
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	152.888.889	-
Các khoản khác	2.366.239.645	2.400.472.965
Cộng	2.623.751.319	2.451.393.568
9. Chi phí khác	Năm 2022	Năm 2021
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	35.659.439
Xử lý vật tư thiếu sau kiểm kê	10.266.398	36.937.684
Các khoản bị phạt	301.201.532	61.606.551
Các khoản khác	193.136.537	1.166.203.786
Cộng	504.604.467	1.300.407.460
10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	372.925.510.732	234.613.592.051
Chi phí nhân công	169.984.514.502	110.090.672.126
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.010.990.311	17.743.598.328
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.613.600.528	22.849.680.674
Chi phí khác bằng tiền	38.078.670.162	34.541.279.300
Cộng	623.613.286.235	419.838.822.479

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2022	Năm 2021
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.750.381.392	1.749.907.114
2. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.750.381.392	1.749.907.114
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	92.200.961.205	10.825.581.022
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(4.819.234.604)	(2.678.353.239)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác	(4.819.234.604)	(2.678.353.239)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	87.381.726.601	8.147.227.783
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.552.000	15.552.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.619	524
13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	87.381.726.601	8.147.227.783
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	87.381.726.601	8.147.227.783
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.552.000	15.552.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	15.552.000	15.552.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.619	524

14. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

14.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay		
Đồng Việt Nam	+100	1.121.715.264
Đồng Việt Nam	-100	(1.121.715.264)
Đô-la Mỹ	+100	22.215.292
Đô-la Mỹ	-100	(22.215.292)
Đồng EURO	+100	22.299.699
Đồng EURO	-100	(22.299.699)
Năm trước		
Đồng Việt Nam	100	426.419.521
Đồng Việt Nam	-100	(426.419.521)
Đô-la Mỹ	100	18.521.736
Đô-la Mỹ	-100	(18.521.736)
Đồng EURO	+100	22.917.800
Đồng EURO	-100	(22.917.800)

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các năm trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

14.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến phải thu khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và/hoặc bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

	Không quá hạn		Quá hạn	
	không bị suy giảm	bị suy giảm	không bị suy giảm	bị suy giảm
Ngày 31 tháng 12 năm 2022				
Dưới 90 ngày	3.248.914.462	-	-	-
91-180 ngày	-	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	1.265.561.615
Tổng cộng giá trị ghi sổ	3.248.914.462	-	-	1.265.561.615
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(1.265.561.615)
Giá trị thuần	3.248.914.462	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Dưới 90 ngày	2.882.285.028	-	-	-
91-180 ngày	-	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	1.136.035.864
Tổng cộng giá trị ghi sổ	2.882.285.028	-	-	1.136.035.864
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(1.136.035.864)
Giá trị thuần	2.882.285.028	-	-	-

14.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu.

Ngày 31 tháng 12 năm 2022	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Phải trả người bán	40.894.349.791	-	-	40.894.349.791
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	4.168.441.845	-	-	4.168.441.845
Cộng	45.062.791.636	-	-	45.062.791.636

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Phải trả người bán	32.341.403.517	-	-	32.341.403.517
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	3.122.694.981	-	-	3.122.694.981
Cộng	35.464.098.498	-	-	35.464.098.498

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản nợ đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng sẽ được trả đúng hạn.

15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Xem trang 34).

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác ảnh hưởng đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

+ Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		Năm 2022	Năm 2021
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	Thù lao, lương và thưởng	1.555.489.154	859.849.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	9.461.308.169	7.623.081.522
Cộng		11.016.797.323	8.482.930.522

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty có trụ sở chính và chi nhánh đều tọa lạc trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh, còn báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý không trình bày.

4.1. Báo cáo bộ phận: theo lĩnh vực kinh doanh

	Lĩnh vực dịch vụ khám, chữa bệnh và lĩnh vực khác	Lĩnh vực kinh doanh bán thuốc	Tổng cộng
Năm 2022			
Doanh thu thuần	568.121.893.663	154.904.767.794	723.026.661.457
Giá vốn	413.472.071.637	135.393.625.098	548.865.696.735
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	154.649.822.026	19.511.142.696	174.160.964.722
Năm 2021			
Doanh thu thuần	324.415.735.899	105.598.560.173	430.014.296.072
Giá vốn	271.432.024.028	92.686.815.000	364.118.839.028
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.983.711.871	12.911.745.173	65.895.457.044

4.2. Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Trụ sở chính của Công ty đều tọa lạc trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.


Ths. Phan Thị Thanh Nga
Người lập biểu - Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 10 tháng 03 năm 2023



Bs. CKI. Đỗ Văn Bửu Đan
Tổng Giám Đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	140.710.891.435	211.336.386.071	7.296.138.028	2.162.838.499	363.214.761	361.869.468.794
Mua trong năm	-	5.983.497.000	-	-	32.076.000	6.015.573.000
ĐT XD CB h. thành	-	2.313.250.000	-	-	-	2.313.250.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.292.296.720)	(783.288.000,00)	-	-	(2.075.584.720)
Số dư cuối năm	140.710.891.435	218.340.836.351	6.512.850.028	2.162.838.499	395.290.761	368.122.707.074
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	60.659.323.985	136.060.708.454	3.902.852.809	1.230.791.219	324.020.931	202.177.697.398
Khấu hao trong năm	4.586.302.284	12.283.893.179	652.619.952	209.145.888	12.332.284	17.744.293.587
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.292.296.720)	(783.288.000)	-	-	(2.075.584.720)
Số dư cuối năm	65.245.626.269	147.052.304.913	3.772.184.761	1.439.937.107	336.353.215	217.846.406.265
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	80.051.567.450	75.275.677.617	3.393.285.219	932.047.280	39.193.830	159.691.771.396
Số dư cuối năm	75.465.265.166	71.288.531.438	2.740.665.267	722.901.392	58.937.546	150.276.300.809

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 92.211.394.482 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: không có.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về tài sản cố định hữu hình: không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	155.520.000.000	1.407.488.000	16.603.467.737	1.322.110.006	71.522.624.158	246.375.689.901
Lợi nhuận	-	-	-	-	10.825.581.022	10.825.581.022
Trích lập các quỹ	-	-	-	689.720.917	(2.678.353.239)	(1.988.632.322)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(36.015.157.000)	(36.015.157.000)
Giảm khác	-	-	-	(1.408.269.000)	-	(1.408.269.000)
Số dư cuối năm trước	155.520.000.000	1.407.488.000	16.603.467.737	603.561.923	43.654.694.941	217.789.212.601
Số dư đầu năm nay	155.520.000.000	1.407.488.000	16.603.467.737	603.561.923	43.654.694.941	217.789.212.601
Lợi nhuận	-	-	-	-	92.200.961.205	92.200.961.205
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	3.319.234.604	(4.819.234.604)	(1.500.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(32.741.052.000)	(32.741.052.000)
Giảm khác	-	-	-	(1.677.907.670)	-	(1.677.907.670)
Số dư cuối năm nay	155.520.000.000	1.407.488.000	16.603.467.737	2.244.888.857	98.295.369.542	274.071.214.136

(*) Căn cứ theo Nghị quyết 01.2022/NQ-ĐHCĐ ngày 28/4/2022, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2021 và tạm trích các quỹ năm 2022, chia cổ tức năm 2021 cụ thể như sau:

	Năm 2022
- Trích lập các quỹ	
+ Tạm trích quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2022	3.319.234.604
+ Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	1.500.000.000
	<u>4.819.234.604</u>
- Chia cổ tức	
+ Tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2022 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	16.370.526.000
+ Chia cổ tức năm 2021 theo Nghị quyết 01.2022/NQ-ĐHCĐ ngày 28/04/2022	16.370.526.000
	<u>32.741.052.000</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VI.15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2022		31/12/2021		31/12/2022	31/12/2021
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
Tài sản tài chính						
- Phải thu khách hàng	4.514.476.077	(1.265.561.615)	4.018.320.892	(1.136.035.864)	3.248.914.462	2.882.285.028
- Phải thu khác	12.543.446.003	-	8.973.341.906	-	12.543.446.003	8.973.341.906
- Tiền và các khoản tương đương tiền	68.447.150.533	-	29.245.312.960	-	68.447.150.533	29.245.312.960
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	46.503.397.540	-	15.821.757.830	-	46.503.397.540	15.821.757.830
TỔNG CỘNG	132.008.470.153	(1.265.561.615)	58.058.733.588	(1.136.035.864)	130.742.908.538	56.922.697.724
Nợ phải trả tài chính						
- Phải trả người bán	40.894.349.791	-	32.341.403.517	-	40.894.349.791	32.341.403.517
- Nợ phải trả tài chính khác, chi phí phải trả	4.168.441.845	-	3.122.694.981	-	4.168.441.845	3.122.694.981
TỔNG CỘNG	45.062.791.636	-	35.464.098.498	-	45.062.791.636	35.464.098.498

PHỤ LỤC II

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

BIÊN BẢN LÀM VIỆC BAN KIỂM SOÁT

Hôm nay, ngày 22 tháng 03 năm 2023, chúng tôi gồm có:

Ban Kiểm soát:

1. CN.Vương Thị Quỳnh Anh : Trưởng ban
2. Bà Bùi Thúy Kiều : Thành viên
3. BS Nguyễn Nhị Phương : Thành viên – vắng mặt
(đã nộp đơn xin từ nhiệm từ ngày 10/01/2023)

Đại diện Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức :

1. Bs.CKI. Đỗ Văn Bửu Đan : Tổng Giám Đốc
2. Ths.Phan Thị Thanh Nga : Giám Đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Ban Thư ký: CN.Trương Thị Mai Lan

Sau khi đã kiểm tra chứng từ, sổ sách và các báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức, chúng tôi thống nhất như sau :

A. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT CHUYÊN MÔN:

Kết quả hoạt động chuyên môn năm 2022 đạt kết quả rất tốt trong tình hình kinh tế khó khăn, công suất hoạt động đã hồi phục sau dịch bệnh Covid-19 với những nỗ lực rất lớn của đội ngũ bác sĩ Tâm Đức :

- Khám chữa bệnh ngoại trú tăng 60,4% so với năm 2021 (77.417/48.258 lượt) trong đó khám tim tăng 63,8% (76.062/46.450 lượt). Mỗi ngày có trên 300 người bệnh đến khám, trong đó 24% là bệnh nhân mới.
- Về điều trị nội trú, năm 2022 có số ca tăng 49,5% so với năm 2021 (4.417/2.954 bệnh nhân/năm).
- Thông tim can thiệp có số ca tăng hơn gấp đôi so với năm 2021 (1.599/765 bệnh nhân/năm).
- Số ca thực hiện kỹ thuật điện sinh lý tim năm 2022 cũng tăng gần gấp đôi năm 2021 (398/203 ca/năm).
- Hoạt động phẫu thuật tim hồi phục tốt với số ca tăng hơn 2,5 lần so với năm 2021 (443/166).
- Về bảo hiểm y tế năm 2022 so với năm 2021 : số lượt BHYT chung tăng 40% (10.171/7.284 lượt), tổng số tiền thanh toán BHYT tăng 86% (86,7 tỷ/46,5 tỷ). Khối ngoại trú có 6.573 lượt bệnh nhân BHYT chiếm 8,5% trong tổng số bệnh nhân đến khám (6.573/77.417). Khối nội trú có 3.598 lượt bệnh nhân BHYT chiếm hơn 81% trong tổng số ca nằm viện (3.598/4.417).

B. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT TÀI CHÍNH KẾ TOÁN:

- Tổng doanh thu năm 2022 : 728.069.233.299 VND, tăng 67,8% so với năm 2021 (728 tỷ / 433,8 tỷ), vượt 32% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 là 550 tỷ.
- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2022 : 103.951.342.597 VND, tăng hơn 8 lần so với thực hiện năm 2021 (103 tỷ /12 tỷ), vượt gần gấp đôi so với kế hoạch năm 2022 là 55 tỷ.



- Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2022 : 92.200.961.205 VND, tăng hơn 8,5 lần so với thực hiện năm 2021 (92 tỷ / 10,8 tỷ), vượt 88% so với kế hoạch năm 2022 là 49 tỷ.
- Bình quân lãi cơ bản là 5.619 VND/cổ phiếu (so với năm 2021 là 524 VND/cổ phiếu, tăng gấp 10 lần). Vốn điều lệ : 155,52 tỷ, tổng số cổ phiếu là : 15.552.000 CP.

Với số liệu tài chính năm 2022 như trên cho thấy Bệnh viện tim Tâm Đức đã vượt kế hoạch tài chính năm 2022 đề ra và vượt kết quả tài chính năm 2021.

C. NHẬN XÉT CỦA BAN KIỂM SOÁT :

- Bệnh viện Tim Tâm Đức chính thức hoạt động từ tháng 3/2006 và đã có kết quả tài chính dương liên tiếp 16 năm liền từ năm 2007 đến nay.
- Ban quản lý bệnh viện vẫn tiếp tục phát huy tốt vai trò quản lý, bảo toàn và phát triển nguồn vốn của bệnh viện. Đội ngũ bác sĩ, điều dưỡng của Tâm Đức đã trưởng thành, trình độ được nâng cao.
- Tháng 10/2018, Khu Khám điều trị đặc biệt và Sản sóc đặc biệt đi vào hoạt động, đáp ứng nhu cầu khám, điều trị và chăm sóc chất lượng cao, đã nâng cao uy tín và ảnh hưởng quan trọng đến kết quả tài chính của Tâm Đức. Đến nay đã có 42.813 bệnh nhân khám ngoại trú, 1.353 bệnh nhân điều trị nội trú, khu Hồi sức đặc biệt đã điều trị cho 1.220 bệnh nhân.
- Quản lý tài chính về mặt sổ sách chứng từ đúng quy cũ và theo chuẩn mực kế toán hiện hành, được Công ty kiểm toán soát xét tình hình tài chính vào giữa niên độ và cuối niên độ tài chính.
- Để duy trì và nâng cao chất lượng bệnh viện, cuối năm 2021 Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã có chỉ đạo các trưởng bộ phận lập kế hoạch cải tiến chất lượng của từng khoa phòng cho năm 2022. Phòng Quản lý chất lượng bệnh viện có nhiệm vụ kiểm tra giám sát chặt chẽ việc thực hiện cải tiến chất lượng của từng Khoa phòng.
- Tâm Đức vẫn tiếp tục chủ động phối hợp chặt chẽ với địa phương và các nhà tài trợ để tăng số trẻ em nghèo được mổ tim và số bệnh nhân được phẫu thuật.
- Như vậy, sau gần 2 năm ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 (năm 2020 và nặng nề nhất vào năm 2021) các số liệu trên đã cho thấy sự hồi phục rất tốt về hoạt động chuyên môn, hoạt động tài chính và trên hết Bệnh viện Tim Tâm Đức vẫn luôn nhận được sự tin tưởng của người bệnh.

Biên bản được lập ngày 22 tháng 03 năm 2023 và lập thành 3 bản (mỗi bản gồm 2 trang) có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và Ban Thư ký giữ 01 bản.

CT CP Bệnh viện Tim Tâm Đức

Ban kiểm soát

Ban Thư ký

Tổng Giám Đốc

Trưởng Ban



BS. CKI. Đỗ Văn Bửu Đan

CN. Vương Thị Quỳnh Anh

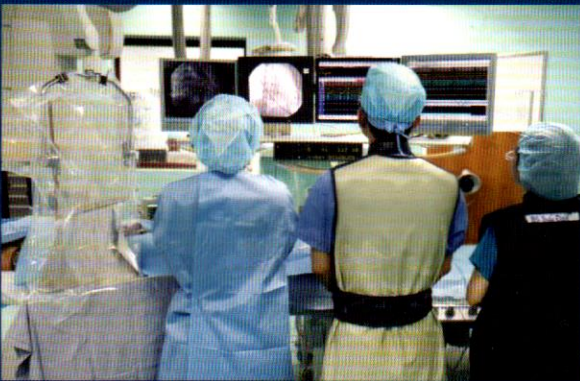
CN. Trương Thị Mai Lan

Giám Đốc Tài chính kiêm Kế toán Trưởng

Thành viên BKS

Ths. Phan Thị Thanh Nga

Bà Bùi Thúy Kiều



BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

Khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng, Nam Sài Gòn - 04 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TP.HCM.
Website: www.tamduchearthospital.com Điện thoại: 028 54110036 Fax: 028 54110029